

Phân tích tác phẩm Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên Ngữ văn 12

Dàn ý Phân tích tác phẩm Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên

A. Mở bài

* Giới thiệu vài nét về tác giả:

- Chế Lan Viên

- Tập thơ “Điêu tàn” xuất bản năm 1937 đã khẳng định Chế Lan Viên là nhà thơ tiêu biểu của trào lưu Thơ mới trước Cách mạng tháng Tám 1945.

- Ông hăng hái tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ đó, ông đã làm một cuộc hoá thân trong cuộc đời cũng như trong sự nghiệp sáng tác để hoà hợp với nhân dân, đất nước.

- Bài thơ “Tiếng hát con tàu” ra đời ở hoàn cảnh cụ thể là thời kì phong trào nhân dân miền xuôi lên miền núi khai hoang, xây dựng và phát triển kinh tế. Bài thơ vừa là tiếng hát say mê của một tâm hồn thoát khỏi cái tôi nhỏ bé để đến với cái ta rộng lớn là nhân dân, đất nước; vừa là nỗi nhớ thiết tha và lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với Tây Bắc - mảnh đất nặng nghĩa nặng tình.

B. Thân bài

* Ý nghĩa của lời đề từ:

Ngay mới chỉ trong lời đề từ, tác giả đã thể hiện tư tưởng chủ đề bài thơ và tình cảm của mình. Câu hỏi tu từ: Tây Bắc ư? Có gì riêng Tây Bắc... chính là lời lòng tự hỏi lòng, chứa đựng nỗi băn khoăn, trăn trở rất thực trong tâm trạng nhà thơ nói riêng và tầng lớp văn nghệ sĩ nói chung ở thời điểm lịch sử đó.

* Hai khổ thơ đầu là lời giục giã với những câu hỏi ngày càng thôi thúc.

- Dường như hình ảnh con tàu là một hình ảnh ẩn dụ nghệ thuật có ý nghĩa tượng trưng cho ước mơ, khát vọng vượt ra khỏi cuộc sống chật hẹp quanh quẩn để đến với cuộc sống rộng lớn của nhân vật trữ tình. Nhà thơ đã khéo léo ví von tâm hồn mình như một con tàu đang mở hết tốc lực về với nhân dân, đất nước.

- Tây Bắc - tên gọi cụ thể chỉ địa danh một vùng đất xa xôi của Tổ quốc nhưng lại còn là một biểu tượng cuộc sống lớn lao của nhân dân và đất nước.

- Tây Bắc chính là cội nguồn cảm hứng của hồn thơ, của sáng tạo nghệ thuật. Vì thế, lời giục giã lên Tây Bắc cũng là về với chính lòng mình, với những tình cảm trong sáng, nghĩa tình gắn bó sâu nặng với nhân dân và đất nước.

* Chín khổ thơ tiếp theo là một mạch ngầm của niềm hạnh phúc và khao khát về với nhân dân, gọi lại những kỉ niệm sâu nặng nghĩa tình trong những năm kháng chiến.

- Khung cảnh thiên nhiên, con người Tây Bắc nay đã đổi thay.

- Đến với Tây Bắc là đến vùng đất thân yêu của tâm hồn mình, là làm cuộc hành trình về với Mẹ nhân dân - Mẹ Tổ quốc thân yêu.

- Kỉ niệm về đồng bào các dân tộc vùng cao Tây Bắc được tác giả nhắc lại qua hình ảnh của những con người cụ thể (người anh du kích, bà mẹ tóc bạc, người em nhỏ liên lạc...).

- Sự cưu mang, đùm bọc, tình yêu thương chân thành của những người dân thân thiện Tây Bắc như đã tiếp thêm sức mạnh cho nhà thơ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và để lại những kỉ niệm sâu sắc không thể nào quên.

- Thể hiện được rõ nét về niềm khao khát mãnh liệt và niềm hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi trở về với nhân dân.

Từ những kỉ niệm ân tình với đồng bào vùng cao Tây Bắc, tác giả đã nâng lên thành những suy ngẫm, những chiêm nghiệm giàu sức khái quát, những chân lí được rút ra từ trải nghiệm của chính mình.

- Nói về tình yêu nhưng tác giả lại hướng tới sự cất nhắc, lí giải để làm bừng sáng ý nghĩa của cả đoạn thơ. Chế Lan Viên như đã thật hay về phép màu của tình yêu. Chính tình yêu đã biến những miền đất xa xôi trở thành thân thiết như quê hương ta, hoá thành máu thịt tâm hồn ta.

- Nói đến tình yêu và nỗi nhớ, Chế Lan Viên không ngại ngần đã diễn tả thật hóm hỉnh và sâu sắc mối quan hệ khăng khít, sự gắn bó chặt chẽ giữa những người đang yêu bằng những hình ảnh rực rỡ sắc màu và đậm đà phong vị vùng cao.

- Với nghệ thuật đặc sắc của nhà thơ rất sáng tạo khi nói về nhân dân, về tình yêu con người, tình yêu cuộc sống. Các ẩn dụ nghệ thuật đều có tính đa nghĩa. Nhịp điệu thơ biến đổi linh hoạt, vừa sôi nổi vừa da diết, lắng sâu.

* Bốn khổ thơ cuối là khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê.

- Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống đã thành sự thôi thúc mãnh liệt, thành lời giục giã của chính lòng mình, thành nỗi khát khao nóng bỏng.
- Những lời tự cổ vũ, động viên và khẳng định quyết tâm lên đường.
- Nhà thơ mượn hình ảnh tượng trưng trong ca dao xưa để biểu đạt vẻ đẹp cao quý của tâm hồn.
- Bài học triết lí nhân sinh và quan điểm nghệ thuật được tác giả đặt ra trong những khổ thơ cuối: Hiện thực cuộc sống là mạch nguồn vô tận của cảm hứng sáng tác. Văn chương không thể tách rời hiện thực. Hiện thực là cơ sở phát sinh cảm hứng trữ tình cách mạng...

C. Kết bài

- Có thể nói thơ Chế Lan Viên giàu chất trí tuệ và đậm đà tính trữ tình.
- Phong cách nghệ thuật của Chế Lan Viên - nhà thơ trữ tình cách mạng nổi tiếng trong thơ ca Việt Nam hiện đại.

Phân tích tác phẩm Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên - Mẫu 1

Chế Lan Viên là nhà thơ lãng mạn nổi tiếng trước Cách mạng tháng Tám với tập thơ “Điêu tàn”. Đi theo cách mạng rồi đi kháng chiến chống Pháp, Chế Lan Viên gần như im lặng. Hoà bình lập lại, ông mới có thơ hay. Bài thơ “Tiếng hát con tàu” rút trong tập thơ “Ánh sáng và phù sa” là một bài thơ thời sự đáp lại lời kêu gọi của Tổ quốc đi khai hoang Tây Bắc. Viết về một nhiệm vụ lịch sử, nhưng nhà thơ không thể hiện một cách chung chung mà viết với một xúc cảm chân thành và cuồng nhiệt. Một vùng đất tươi đẹp và anh hùng của Tổ quốc hiện lên thành hình tượng thơ lấp lánh ánh sáng của trí tuệ. Tâm hồn của thi sĩ đã hoá thành con tàu mộng tưởng, trở về với nhân dân mà cũng là trở về với chính lòng mình.

Yêu em từ thuở trong nôi

Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru

Cầm vàng mà lội qua sông

Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng

Chế Lan Viên mở đầu bài thơ bằng lối tự vấn bộc lộ sự trăn trở của nhà thơ trước một nhiệm vụ trọng đại của đất nước:

*“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu”*

Chế Lan Viên nhạy bén với những nhiệm vụ chính trị của Đảng và của dân tộc. Tác giả đã chuyển nhiệm vụ chung (khai hoang Tây Bắc) thành nhiệm vụ riêng của từng con người, sâu hơn nữa là nhiệm vụ của “tâm hồn ta”.

“Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu?”

Đây là con tàu của mộng tưởng (chưa hề có đường tàu lên Tây Bắc), biểu tượng này thích hợp với hình ảnh ra đi, gọi những ước mơ lãng mạn:

*“Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô, tàu đòi những vành trăng”*

Tác giả còn thôi thúc người ra đi khai hoang Tây Bắc chẳng những vì Tây Bắc mà còn vì mở lối nhờ hẹp của đời sống, mở lối cho sáng tạo, cho thơ:

*“Đất nước mệnh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”.*

Nhà thơ đã biến cuộc ra đi thành cuộc trở về. Trở về “nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất”. Và tha thiết hơn nữa “cho con về gặp lại Mẹ yêu thương”. Và thiêng liêng hơn nữa:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

Những so sánh bất ngờ, những chi tiết bất chợt khiến cho dòng suy nghĩ không khô khan mà lung linh, biến hoá.

Nhà thơ hồi tưởng lại những kỉ niệm sâu sắc trong kháng chiến với nhân dân Tây Bắc. Những kỉ niệm hiện lên như một cuộn phim. Hình ảnh của nhân dân được nhà thơ gọi một cách thân thiết, ruột rà. “Con nhớ anh con, người anh du kích”, “Con nhớ em con, thằng em liên lạc”, “Con nhớ mẹ, lửa hồng soi tóc bạc”. Qua mỗi chi tiết đầy xúc động, nhà thơ muốn nói với chúng ta nhân dân Tây Bắc anh hùng mà tình nghĩa.

Rồi Chế Lan Viên dẫn đến triết lí. Hiện thực cũng chỉ là cái có để cho nhà thơ triết lí:

“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!”

Người đọc thán phục Chế Lan Viên vì đã phát hiện ra được quy luật của tình cảm, của đời sống tâm hồn con người. Nhà thơ dẫn dắt người đọc đến triết lí bằng nhạc và bằng hình:

“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ”

Điệp từ “nhớ” vừa diễn tả sự da diết của tình cảm, vừa tăng cường nhạc điệu cho câu thơ. Về hình hoạ, trong những câu thơ trên, nhà thơ áp sát ống kính vào từng khuôn mặt thân thương, ruột rà để biểu dương. Đến đây, nhà thơ lùi ống kính ra xa để thu hình ảnh của núi rừng Tây Bắc với những “bản sương giăng”, với những “đèo mây phủ”, hình ảnh huyền ảo của núi rừng Tây Bắc mà cũng là hình ảnh sương khói của hoài niệm. Và nhà thơ nói với lòng mình mà như tìm sự đồng cảm của mọi người:

“Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?”

Câu thơ của Chế Lan Viên gợi nhớ mấy câu thơ của Hồng Nguyên:

“Chúng tôi đi

Mang cuộc đời lưu động

Qua nhiều nơi không nhớ hết tên làng

*Đã nghĩ lại rất nhiều nhà dân chúng
Tôi nhớ bờ tre gió lộng
Làng xuôi xóm ngược mái rạ như nhau”*

(Nhớ)

Nhưng Chế Lan Viên không dẫn tới tự sự mà dẫn đến triết lí:

*“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!”*

Hai câu thơ được kết cấu theo lối đối (Khi ta ở - Khi ta đi) đã diễn tả hai trạng thái của tâm hồn con người và những điệp từ, điệp ngữ tạo âm hưởng cho ý thơ triết lí vốn dễ khô khan. Từ sự chiêm nghiệm của chính mình, tác giả đã phát hiện một quy luật về tình cảm có giá trị khái quát. Nhà thơ đã nói hộ cho chúng ta về sự gắn bó giữa con người với quê hương xứ sở, với những miền đất xa lạ mà chúng ta đã từng sống. Cái cụ thể là “đất” đã hoá thành cái trừu tượng là “tâm hồn”. Hai câu thơ rất là Chế Lan Viên!

Từ triết lí, nhà thơ bỗng chuyển sang diễn tả những rung động cụ thể, riêng tư. Tứ thơ chuyển lạ, nhưng không gây đổ vỡ vì vẫn liền mạch tư duy:

*“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.”*

Khổ thơ như một rẽ ngoặt đường rừng bày ra cảnh quan mới lạ. Nhưng rồi ta vẫn nhận ra giọng điệu của Chế Lan Viên. Vẫn là từ xúc cảm, hình ảnh cụ thể dẫn đến những suy ngẫm triết luận. Lại tô đậm thêm cảm xúc riêng tư nên câu thơ trở nên xôn xao. “Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”, những so sánh rất lạ, lấp lánh chất trí tuệ chứ không phải tình cảm thuần khiết. Xét đến cùng thì cũng không phải là nỗi niềm riêng, dù nhà thơ có nói thật tha thiết “Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng”; mà là “riêng chung” nói như Xuân Diệu. Cái lấp lánh của màu sắc “cánh kiến hoa vàng” như “chim rừng lông trở biếc” là cái lấp lánh của trí tuệ. Tác giả như phát hiện ra mối quan hệ khăng khít của sự

vật như mùa đông với cái rét, như mùa xuân với “chim rừng lông trở biếc”. Và cái da diết của nhạc điệu, của hình ảnh, của màu sắc để sửa soạn cho một triết lí mới:

“Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”

Mỗi người đều tự cảm nhận, thấm thía với triết lí. Và như thế là tác giả đã đạt đến chiều sâu của chủ đề “Tiếng hát con tàu”.

Rồi nhà thơ lại giục giã lên đường xây dựng quê hương Tây Bắc. Tất cả những hồi tưởng, những hoài niệm, những triết luận là để nhằm đến việc thực hiện nhiệm vụ lịch sử này:

“Đất nước gọi hay lòng ta gọi?”

Tình em đang mong tình mẹ đang chờ

Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thêm mái ngôi đỏ trăm ga”

Xây dựng quê hương Tây Bắc cho “mẹ”, cho “em” thì còn ai là không tha thiết, không nhiệt tình?

Riêng đối với nhà thơ thì Tây Bắc còn là nguồn cảm hứng, nguồn sáng tạo, nguồn thơ, là giá trị tinh thần thiêng liêng nên cuộc “trở về” có ý nghĩa biết bao!

“Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ

Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa

Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.”

Tác giả kết thúc “Tiếng hát con tàu” bằng những ý tưởng lãng mạn thật đẹp và tình yêu nồng nàn (rộng là tình yêu cuộc sống và hẹp là yêu em):

“(…) Ai bảo con tàu không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng

Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống

Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân”

Chế Lan Viên khi tâm hồn đã đổi mới, nhà thơ nhạy cảm với những nhiệm vụ của cách mạng. Khi đất nước có nhu cầu mở mang Tây Bắc, Chế Lan Viên đã có thơ ứng chiến và đáng quý là đã có thơ hay, vượt lên trên thơ minh họa tầm thường. Chất trí tuệ mẫn tiệp vốn có của ông lại được bồi đắp thêm những tình cảm mới mẻ, cách mạng khiến cho “Tiếng hát con tàu” có sức hấp dẫn. Chỉ tiếc là một tài năng ngôn ngữ siêu phàm như ông mà lại lạm dụng những từ có ý nghĩa thiêng liêng, như từ “mẹ” chẳng hạn, khiến người đọc thoáng qua chút hoài nghi về cảm xúc chân thật của nhà thơ. Một thời, biết bao học sinh, sinh viên, trí thức đã mê thơ ông, say sưa với những phát hiện triết lý trong thơ ông:

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn.

Phân tích tác phẩm Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên - Mẫu 2

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng hát con tàu được Chế Lan Viên viết năm 1960 và in trong tập Ánh sáng và phù sa. Đó là thời điểm miền Bắc sau những năm kháng chiến thắng lợi, vừa mới trải qua thời kì khôi phục kinh tế, bắt đầu bước vào kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Hoàn cảnh đặc biệt đó đã làm nảy sinh trong giới văn nghệ sĩ một ý thức nghệ thuật gắn liền với công cuộc xây dựng cuộc sống mới của nhân dân, tự nguyện đi đến những vùng miền khó khăn của đất nước, hòa nhập vào cuộc sống của nhân dân bởi chỉ có như vậy mới tìm lại niềm hạnh phúc, mới tìm thấy ngọn nguồn cảm xúc sáng tạo nghệ thuật.

II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Tiếng hát con tàu không đơn thuần chỉ là một bài thơ lấy sự kiện chính trị làm điểm xuất phát và tập trung thể hiện tư tưởng chủ đạo là cổ vũ động viên thanh niên lên đường xây dựng Tổ quốc. Bài thơ còn là tấm lòng của những người gắn bó sâu nặng nghĩa tình với nhân dân, với đất nước. Lời mời gọi lên Tây Bắc trở thành lời giục giã, lời mời gọi những tâm hồn hãy đến với đời sống cần lao và rộng lớn của nhân dân. Từ một vấn đề thời sự, bài thơ đã mở ra những suy tưởng về cuộc sống, về nghệ thuật.

Nhan đề “Tiếng hát con tàu” của bài thơ mang tính biểu tượng bởi thực tế chưa hề có đường tàu và con tàu lên Tây Bắc. Hình tượng con tàu trong bốn câu thơ đề từ là biểu tượng cho tâm hồn nhà thơ đang khát khao lên đường, vượt ra khỏi cuộc sống chật hẹp, quẩn quanh đi đến với cuộc đời rộng lớn. Tây Bắc ngoài ý nghĩa cụ thể chỉ địa danh một miền đất xa xôi của Tổ quốc, còn là một biểu tượng của cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước, là cội nguồn của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

Bài thơ mở đầu bằng một lời mời gọi thiết tha:

Chuyến tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng?

Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đòi những vàng trắng .

Ta bắt gặp chủ thể trữ tình tự phân thân để đối thoại với chính mình với hàng loạt những câu hỏi nâng cao dần cấp độ để bộc lộ khát vọng lên đường. Không chỉ là lời hồi thúc bản thân, câu thơ còn là lời động viên, thuyết phục mọi người đi đến với những miền đất lạ xa xôi, hòa nhập vào cuộc sống rộng lớn của nhân dân. Chế Lan Viên đã mượn hình ảnh thiên nhiên để khơi gợi khát vọng lên đường của mọi người:

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đòi những vàng trắng.

Nhà thơ nói với người khác và cũng là tự nhủ với chính lòng mình. Cuộc kháng chiến trường kì gian khổ đã kết thúc thắng lợi, đất nước bước vào công cuộc tái thiết, xây dựng cuộc sống mới đang rất cần sự đóng góp của mỗi người. Cuộc sống lớn đó là ngọn nguồn của mọi sáng tạo nghệ thuật. Song nghệ thuật không thể nảy sinh khi người nghệ sĩ không mở rộng lòng mình đón nhận tất cả những vang vọng của cuộc đời. Từ sự chiêm nghiệm về cuộc đời thơ của chính mình, Chế Lan Viên đã đưa ra những lời khuyên đầy tâm huyết: hãy đi ra khỏi cái tôi chật hẹp của mình mà hòa nhập với mọi người, hãy vượt ra khỏi chân trời của cái tôi nhỏ bé để đến với chân trời của tất cả. Đi theo con đường ấy, có thể tìm kiếm được nghệ thuật chân chính và gặp được tâm hồn của chính mình trong cuộc sống rộng lớn của nhân dân:

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia

Chính vì lẽ đó mà tâm hồn thơ Chế Lan Viên muốn hóa thân thành con tàu tâm tưởng, khao khát lên đường, hăm hở say sưa, háo hức trong hành trình trở về với cuộc đời rộng lớn, về với nhân dân. Khát vọng đến với cuộc sống rộng lớn, đến với nhân dân trở thành cảm hứng, tình cảm chân thành của nhà thơ. Khát vọng ấy đã một lần vang lên trong thơ ông:

Ôi chim én có bay không, chim én?

Đến những đảo xa, đến những đảo mờ

Ở đâu chưa đi thì lòng sẽ đến

Lúc trở về, lòng ngậm những cảnh thơ.

Trong bài thơ Tiếng hát con tàu, khát vọng lên đường ấy mỗi lúc càng được bộc lộ cụ thể hơn, say mê hơn và rạo rực hơn: “Khi lòng ta đã hóa những con tàu”, “Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội. Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga”, “Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng” ... Khát vọng ấy càng trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết khi có sự gặp gỡ giữa đòi hỏi của nhân dân, đất nước với nhu cầu tình cảm của nhà thơ “Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi”. Ở đây tiếng gọi của cuộc sống lớn, của nhân dân, đất nước đã thực sự trở thành sự thôi thúc bên trong của chính nhà thơ

Ai đó đã từng nói: “Ra đi là trở về”. Lên Tây Bắc cũng chính là để nhà thơ trở về với mảnh đất anh hùng đã từng gắn bó máu thịt với cuộc đời ông, để chứng kiến những thành quả bước đầu của thành quả cách mạng:

Trên Tây Bắc ôi mười năm Tây Bắc

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất

Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân

Máu rỏ xuống và cây mọc lên, đơm hoa kết trái. Hai ý thơ đối nghịch cho ta thấy sức sống vĩ đại của miền Tây Bắc: từ trong cái chết, sự sống vẫn tiếp tục nảy mầm xanh. Động từ “rỏ” không gây ấn tượng mạnh nhưng lại có sức lan tỏa sâu trong lòng người đọc. Máu “rỏ” chứ không phải là máu tuôn, máu xối. Nó cho thấy sự hi sinh thầm lặng nhưng bền bỉ, lâu dài của người dân Tây Bắc nói riêng và của người Việt Nam nói chung. Mát mát hi sinh là lớn nhưng nó không đủ sức để thiêu chột đi ý chí và khát vọng. Chỉ cần giữ được niềm tin vào cuộc sống thì cuộc đời này vẫn đáng yêu, đáng sống và nó lại thôi thúc con người mang khát khao cống hiến.

Bao trùm trong Tiếng hát con tàu là niềm khát khao mãnh liệt và niềm hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi được trở về với nhân dân:

Con gặp lại nhân dân hư nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đưa trẻ thơ đôi lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

Thể hiện niềm hạnh phúc lớn lao đó, tác giả sử dụng liên tiếp những hình ảnh so sánh. Những hình ảnh này vừa có vẻ đẹp thơ mộng, mượt mà: “nai về suối cũ, cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa”, vừa có sự hoà hợp giữa nhu cầu và khát vọng của bản thân với hiện thực: “trẻ thơ đôi lòng gặp sữa, chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa” đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân. Đối với nhà thơ, được trở về với nhân dân không chỉ là niềm vui, niềm khát khao mà còn là một lẽ tự nhiên, phù hợp với qui luật. Về với nhân dân là về với ngọn nguồn bất tận của sự sống, về với những gì thân thiết và sâu nặng của lòng mình.

Khát vọng được trở về với nhân dân được tác giả thể hiện thông qua những cảm xúc chân thành, những tình cảm cụ thể, những kỉ niệm sâu sắc gắn liền với những con người tiêu biểu cho sự hi sinh, cuồn mang đùm bọc của nhân dân trong kháng chiến. Nhân dân ở đây không còn là một khái niệm chung chung trừu tượng nữa mà hiện ra qua những hình ảnh, những con người cụ thể, gần gũi, xiết bao thương mến. Nhân dân, đó là “anh con, người anh du kích” với “chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn, chiếc áo nâu suốt một đời vá rách, đêm cuối cùng anh gửi lại cho con”; là “em con thằng em liên lạc, Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ”; là bà mẹ già “lửa hồng soi tóc bạc, Năm con đau mẹ thức một mùa dài” ... Với những điệp ngữ: “con nhớ anh con”, “con nhớ em con”, “con nhớ mẹ” ... , bài thơ chùng chắt, ấm áp những kỉ niệm được gọi ra từ niềm hoài niệm về nhân dân của nhà thơ. Cách xưng hô của chủ thể trữ tình bộc lộ một tình cảm thân tình, ruột thịt với những con người đã từng gắn bó mật thiết với mình trong những năm kháng chiến. Đọc những câu thơ này, có thể thấy được sự rung động vừa sâu sắc, tha thiết, vừa say mê, mãnh liệt của một hồn thơ trong những giây phút bừng sáng của sự giác ngộ một chân lí đời sống và cũng là chân lí của nghệ thuật: phải trở về thủy chung gắn bó với nhân dân. Tổ quốc và nhân dân đã hồi sinh cho một hồn thơ đã từng một thời tự giam mình trong cái tôi cô đơn, đóng khép.

Từ những kỉ niệm ân tình, những hoài niệm về nhân dân, tác giả đã nâng lên thành những chiêm nghiệm giàu sức khái quát, những chân lí được rút ra từ những trải nghiệm của chính mình:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu đương

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn!

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương .

Khổ thơ là tấm lòng nhà thơ trải dài theo nỗi nhớ. Nỗi nhớ ấy day dứt trong tâm trí nhà thơ. Đó là nỗi nhớ về những bản làng điệp trùng mây núi. Nhà thơ đã đi qua nhiều nơi, nhưng nơi nào chẳng để thương để nhớ trong tâm hồn nhà thơ, để rồi “khi ta ở chỉ là nơi đất ở, Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn”.

Nói đến tình yêu trong nỗi nhớ, câu thơ Chế Lan Viên lấp lánh rực rỡ những màu sắc, bồi hồi, xôn xao những xúc động. Chế Lan Viên đã diễn tả thật hóm hỉnh, độc đáo và sâu sắc mối quan hệ khăng khít, sự gắn bó chặt chẽ giữa những kẻ đang yêu. Nhưng tình yêu ở đây không dừng lại trong giới hạn tình yêu đôi lứa mà còn là sự kết tinh của những tình cảm sâu nặng với quê hương đất nước. Nói về tình yêu nhưng lại hướng tới sự cất nghĩa, lí giải làm bừng sáng cả đoạn thơ. Chế Lan Viên đã nói tới phép màu của tình yêu. Chính tình yêu đã biến những miền đất lạ trở thành thân thiết như quê hương ta, hoá thành máu thịt tâm hồn ta. Câu thơ mang đậm chất triết lí nhưng triết lí đó được khơi nguồn từ tình cảm, từ cảm xúc chân thành nên không khô khan, vẫn tự nhiên và dung dị. Đó là những câu thơ hay nhất của đời thơ Chế Lan Viên.

III. KẾT THÚC VẤN ĐỀ

Tiếng hát con tàu là bài thơ hay của Chế Lan Viên đã góp phần làm đẹp thêm bộ phận thơ viết về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài thơ thể hiện một cái nhìn mới của nhà thơ trước cuộc đời, trước con người. Nhưng có lẽ điều cô đọng lại trong tác phẩm là những suy tư mang đậm màu sắc triết lí, lắng sâu trong tâm hồn người đọc những rung động trước tình cảm gắn bó của nhà thơ với nhân dân, với đất nước. Và cũng chính vì lẽ đó mà mỗi người nhận thức riêng cho mình một con đường đi tới để được hoà mình vào cuộc sống mới, để được sống trong những cảm xúc chân thành như của chính nhà thơ.

Phân tích tác phẩm Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên - Mẫu 3

Chế Lan Viên (1920 - 1989) tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê ở Cam Lộ, Quảng Trị. Ông sáng tác rất sớm và nổi tiếng với tập thơ Điều tàn xuất bản năm 1937 và được đánh giá là nhà thơ lãng mạn tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Trước Cách mạng tháng Tám, Chế Lan Viên đã từng viết: Với tôi tất cả

như vô nghĩa, Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau, đã từng cầu xin: Hãy cho tôi một tình cầu giá lạnh, Một vì sao trọi cuối trời xa... để ẩn náu, trốn tránh mọi khổ đau, phiền não của cuộc sống. Sau Cách mạng, trong sự hóa thân kì diệu của đất nước và dân tộc, nhà thơ cũng đã làm một cuộc hóa thân để hòa nhập với cuộc sống xung quanh và cũng là tìm về với chính mình.

Hòa bình lập lại, nhân dân miền Bắc phấn khởi bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống hòa bình, xây dựng xã hội chủ nghĩa. Năm 1958, Đảng và Nhà nước ta phát động phong trào khai hoang, phát triển kinh tế ở vùng cao. Phong trào này đã được nhân dân miền xuôi, nhất là những địa phương đất chật người đông như Hà Nam, Nam Định, Thái Bình... hưởng ứng rất nhiệt tình. Thanh niên được coi là lực lượng tiên phong lên Việt Bắc, Tây Bắc vỡ đất khai hoang, xây dựng nông trường, làm thay đổi bộ mặt của chiến khu xưa.

Trong kháng chiến chín năm chống Pháp, nhà thơ Chế Lan Viên thường xuyên đi công tác nên được sống trong sự đùm bọc và tình yêu thương của đồng bào Việt Bắc, Tây Bắc. Tình cảm quý báu đó khơi nguồn thi hứng để tác giả sáng tác bài thơ Tiếng hát con tàu. Bài thơ vừa là khúc hát say mê, rạo rực của một hồn thơ đã thoát khỏi khung trời chật hẹp của cái tôi nhỏ bé để ra với chân trời rộng lớn của cái ta là nhân dân, đất nước; vừa thể hiện lòng biết ơn sâu nặng và nỗi nhớ da diết của nhà thơ về Tây Bắc - quê hương thứ hai, nơi có những con người đã gắn bó, chia sẻ gian nan, cùng vào sống ra chết với mình trong thời kì chống Pháp.

Tiếng hát con tàu được bố cục theo trình tự diễn biến tâm trạng. Giọng điệu, âm hưởng cũng biến đổi theo mạch tâm trạng. Hai khổ đầu là sự trăn trở và lời mời gọi lên đường. Chín khổ thơ giữa thể hiện khát vọng về với nhân dân, gọi lên những kỉ niệm kháng chiến đầy nghĩa tình với nhân dân và đất nước. Bốn khổ cuối là khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê.

Bốn câu thơ đề từ chính là tư tưởng chủ đề bài thơ, đã khái quát suy nghĩ và tình cảm của tác giả:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu.

Câu hỏi tu từ: Tây Bắc ư? là lời lòng tự hỏi lòng, chứa đựng nỗi băn khoăn, trăn trở rất thực trong tâm trạng nhà thơ nói riêng và tầng lớp văn nghệ sĩ nói chung ở thời điểm lịch sử đó.

Hai khổ thơ đầu là lời giục giã với những câu hỏi thôi thúc. Nhà thơ chọn hình ảnh con tàu và địa danh Tây Bắc làm biểu tượng nghệ thuật của bài thơ:

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng?

Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng.

Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Nhà thơ ví tâm hồn mình như một con tàu đang mở hết tốc lực trong hành trình tiến lên phía trước mà đích đến là đất nước, là nhân dân vĩ đại và cao cả, là cuộc sống đầy ắp chất liệu và cảm hứng nuôi dưỡng hồn thơ.

Tiếng hát con tàu ở đây là biểu tượng cho khát vọng ra đi, đến với những miền xa xôi, đến với nhân dân, đất nước và cũng còn là đến với những mơ ước, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

Ở thời điểm đó chưa có đường tàu lên Tây Bắc, cho nên hình ảnh con tàu trong bài thơ này hoàn toàn mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là con tàu trong tâm tưởng chỗ đầy khát vọng hòa hợp với dân tộc, đất nước và niềm tin vào tương lai tươi sáng. Chế Lan Viên đã mượn hình ảnh thiên nhiên để khơi gợi khát vọng lên đường của mọi người. Khao khát tìm đến những chân trời rộng mở: Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi, Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng. Nhà thơ nói với người khác mà cũng là tự nhủ với chính lòng mình.

Đánh thắng giặc xong, đất nước xây dựng lại rất cần sự đóng góp của mỗi người. Hãy thoát ra khỏi cái tôi chật hẹp mà hòa nhập với mọi người. Đi theo con đường ấy có thể tìm kiếm được nghệ thuật chân chính và gặp được tâm hồn của chính mình trong cuộc sống rộng lớn của nhân dân.

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Chế Lan Viên đã khẳng định về mối liên quan máu thịt giữa văn chương, nghệ thuật với hiện thực cuộc sống, bởi cuộc sống phong phú muôn màu muôn vẻ chính là kho chất liệu, là nguồn cảm hứng vô tận của văn nghệ sĩ. Điều đó cho thấy một nhà thơ Chế Lan Viên hoàn toàn mới mẻ, khác hẳn với Chế Lan Viên - nhà thơ lãng mạn trước Cách mạng bế tắc và tuyệt vọng giữa cuộc đời tù túng, phức tạp.

Tây Bắc, ngoài tên gọi cụ thể của một vùng đất, còn là tiêu biểu cho mọi miền xa xôi của Tổ quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa nặng tình, nơi đã ghi khắc những kỉ niệm không thể quên của những người đã trải qua cuộc kháng chiến, nơi đang vẫy gọi mọi người đi tới chung sức, chung lòng xây dựng lại quê hương.

Đến với Tây Bắc, mảnh đất nặng nghĩa nặng tình là đến với nhân dân đã chở che, đùm bọc cán bộ, chiến sĩ ta trong suốt cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp xâm lược. Chính vì lẽ đó, tiếng gọi thôi thúc lên Tây Bắc đồng nghĩa với tiếng gọi về với chính lòng mình, với tâm hồn mình với những tình cảm thiết tha, trong sáng.

Nếu hai khổ thơ đầu là sự trần trở và lời giục giã mời gọi lên đường thì chín khổ tiếp theo lại là niềm hạnh phúc và khát vọng về với nhân dân, gọi lại những kỉ niệm sâu nặng đầy tình nghĩa trong những năm kháng chiến; xen với những hình ảnh lung linh của hồi tưởng là những chiêm nghiệm, đúc kết trong giọng thơ trầm lắng.

Bắt đầu là khung cảnh và con người Tây Bắc nay đã đổi thay:

Trên Tây Bắc! ôi mười năm Tây Bắc

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất

Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân.

Ở khổ thơ này, các hình ảnh cũ và mới đan xen vừa rất sáng tạo, vừa giàu ý nghĩa. Nghĩ về Tây Bắc, những kỉ niệm vui buồn về cảnh vật và con người cứ lớp lớp hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ. Sau mười năm xa cách, xưa Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất, Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân. Tất cả những điều đó tạo nên nền tảng vững chắc cho đời sống tinh thần, đời sống tình cảm phong phú của con người. Cao hơn thế, nó trở thành ngọn lửa soi đường dẫn tới:

Ôi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa

Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường.

Con đã đi nhưng con cần vượt nữa

Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.

Trong suy nghĩ của nhà thơ, đến với Tây Bắc là đến với vùng đất thân thuộc của tâm hồn mình, là làm cuộc hành trình về với Mẹ nhân dân - Mẹ Tổ quốc yêu thương.

Chế Lan Viên khái quát hành trình trở về với nhân dân bằng những hình ảnh so sánh vừa hiện thực vừa trữ tình, thể hiện độ sâu của cảm xúc và độ cao của sáng tạo nghệ thuật:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Để nói lên ý nghĩa sâu xa, niềm hạnh phúc lớn lao của việc trở về với nhân dân, tác giả đã sử dụng một loạt hình ảnh so sánh để khơi sâu, mở rộng thêm ý nghĩa của sự việc, sự vật. Nhà thơ nhận thức được rằng văn nghệ sĩ về với nhân dân là điều hết sức tự nhiên, phù hợp với quy luật như nai về suối cũ là nơi quen thuộc, như cỏ đón giêng hai. Chim én gặp mùa để tiếp nhận sức sống và phô bày vẻ đẹp. Về với nhân dân là về với ngọn nguồn của sự sống, của hạnh phúc; là về nơi đã nuôi dưỡng, chở che, cứu mang mình. Đây là hành động cần thiết và kịp thời đối với tầng lớp văn nghệ sĩ để được tiếp thêm niềm tin và sức mạnh trên con đường sáng tạo nghệ thuật: Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa, Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Khát vọng lên Tây Bắc gợi nhớ cả một trời kỉ niệm về những năm tháng kháng chiến gian nan, nguy hiểm mà âm áp tình người:

Con nhớ anh con người anh du kích

Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn

Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách

Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.

*Con nhớ em con thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư.
Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mẹ thức một mùa dài.
Con với mẹ không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.*

Khát vọng trở về với nhân dân được nhà thơ thể hiện thông qua những cảm xúc chân thành, những kỉ niệm sâu sắc gắn liền với từng con người tiêu biểu cho sự hi sinh, đùm bọc của nhân dân trong kháng chiến. Nhân dân ở đây không còn là một khái niệm chung chung, mà là những con người cụ thể, gần gũi. Đó là người anh du kích với Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách, Đêm cuối cùng anh cửi lại cho con, là thằng em liên lạc, Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ; là bà mẹ lửa hồng soi tóc bạc, Năm con đau mẹ thức một mùa dài,... Với những điệp ngữ và cách xưng hô thân tình: Con nhớ anh con, Con nhớ em con, Con nhớ mẹ,... nhà thơ đã thể hiện tình cảm đầm ấm với những con người đã từng gắn bó máu thịt với mình, chia sẻ từng vất vả, gian nan trong hoàn cảnh khó khăn của kháng chiến. Đó là những con người hi sinh thầm lặng cho cách mạng, cho kháng chiến. Những câu thơ nói về nhân dân Tây Bắc biểu lộ lòng biết ơn, sự gắn bó chân thành và niềm xúc động thấm thía của nhà thơ. Mỗi con đường, mỗi bản làng, mỗi ngọn núi, dòng sông đều gắn với những kỉ niệm vui buồn không thể nào quên.

Đang từ dòng hồi tưởng về những kỉ niệm khó quên, nhà thơ đã nâng cao và khái quát cảm xúc lên thành một triết lí nhân sinh sâu sắc. Khổ thơ dưới đây như một phát hiện về quy luật của tình cảm đời sống tâm hồn con người:

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!*

Tình thương yêu ở đây không chỉ giới hạn trong tình yêu đôi lứa mà còn là những tình cảm sâu nặng đối với quê hương, đất nước. Nhà thơ đã nói tới phép màu của tình yêu. Chính tình yêu đã biến những miền đất xa lạ thành thân thiết như chính quê hương của mình, hóa thành máu thịt tâm hồn mình: Khi ta ở chỉ là nơi đất ở, Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn / Triết lí được rút ra từ tình cảm, cảm xúc chân thành, cho nên không khô khan mà vẫn tự nhiên, dung dị.

Ở khổ thơ tiếp theo, mạch thơ đột ngột chuyển sang một rung cảm và suy tưởng khác về: tình yêu và đất lạ:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Nói đến tình yêu, nỗi nhớ, Chế Lan Viên có cách so sánh thật độc đáo và thú vị. Nỗi nhớ trong tình yêu, giữa anh với em là tất yếu, giống như quy luật của đất trời: đông về nhớ rét Còn tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng - một đặc sản của núi rừng Tây Bắc và đẹp như sắc biếc lông chim lúc xuân sang. Tác giả đã cụ thể hóa khái niệm trừu tượng là tình yêu thành những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với con người, nhất là người miền núi.

Đoạn thơ thứ ba mang âm hưởng của khúc hát lên đường hào hứng, dồn dập và lôi cuốn. Chất trữ tình bay bổng, lãng mạn kết hợp với giọng điệu sôi nổi, thôi thúc. Đây là lời tự cổ vũ, động viên và khẳng định một lần nữa quyết tâm lên Tây Bắc, mở mang những nông trường, những vùng kinh tế mới cho đất nước:

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi

Tình em đang mong tình mẹ đang chờ

Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng

Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào

Rẽ người mà đi vịn tay mà đến

Mặt đất nóng nhựa nóng của cần lao.

Khao khát ấy thôi thúc tâm hồn nhà thơ vì lên Tây Bắc cũng là về với ngọn nguồn của hồn thơ, của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Những năm tháng gian khổ những hi sinh lớn lao, những đau thương của chiến tranh nay đã kết thành: Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào, trên Mặt đất nóng nhựa nóng của cần lao.

Thôi thúc lên Tây Bắc đến đây đã nhập chung làm một với nhu cầu hòa hợp với nhân dân, đất nước. Nhà thơ đã tìm thấy ở đó sức mạnh vươn lên:

Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đỏ

Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ,

Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa,

Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.

Nhà thơ Chế Lan Viên đã mượn hình ảnh tượng trưng thường thấy trong ca dao xưa để biểu đạt vẻ đẹp cao quý của tâm hồn. Giống như vàng không sợ lửa, nhà thơ được rèn luyện, thử thách trong hiện thực gian khó, đau thương và oanh liệt của cuộc kháng chiến trường kì để giờ đây đã thực sự có được chất vàng mười tinh túy của tâm hồn gắn bó máu thịt với nhân dân, đất nước.

Kết thúc bài thơ là những ẩn dụ nghệ thuật tượng trưng có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ rất cao, hội tụ tinh thần của toàn bài:

Lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng.

Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống

Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.

Bằng các thủ pháp nghệ thuật tả thực, ẩn dụ, so sánh, tượng trưng phong phú..., trong bài Tiếng hát con tàu, Chế Lan Viên đã sáng tạo thành công nhiều hình ảnh đặc sắc gợi sự liên tưởng phong phú cho người đọc.

Cảm hứng bao trùm trong bài thơ là lòng biết ơn và niềm hạnh phúc trong sự gắn bó với cuộc sống, với nhân dân và đất nước của một tâm hồn đã từ thung lũng đau thương ra cảnh đồng vui. Con tàu tâm tưởng chở đầy ước mơ, khát vọng đang băng băng tới những vùng đất xa xôi của Tổ quốc, đồng thời cũng là mảnh đất mỡ màu nuôi dưỡng hồn thơ, hứa hẹn những mùa vàng bội thu trong

một tương lai không xa.

Người ta nhận xét thơ Chế Lan Viên là thơ trí tuệ. Rất đúng, bởi nhà thơ chịu khó trăn trở, tìm tòi để sáng tạo ra cái mới lạ, độc đáo mà vẫn nồng nàn chất trữ tình. Có thể coi bài thơ Tiếng hát con tàu tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Chế Lan Viên – một nhà thơ lãng mạn cách mạng nổi tiếng của thơ ca Việt Nam hiện đại.

Bài văn mẫu 4

Chế Lan Viên là nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Con đường sáng tác của nhà thơ trải qua nhiều thăng trầm với những bước ngoặt trong phong cách nghệ thuật và tư tưởng chủ đạo, không còn là thế giới kinh dị, huyền bí trong Điêu tàn, sau năm 1945, ông đã rẽ hướng tập trung khai thác đề tài con người và đất nước trong kháng chiến.

Thơ Chế Lan Viên mang đậm vẻ đẹp trí tuệ và giàu suy tư triết lý với những hình ảnh thơ đa dạng, phong phú, đầy sức sáng tạo. Tiếng hát con tàu được rút ra từ tập Ánh sáng và phù sa, bài thơ được lấy cảm hứng từ một sự kiện kinh tế - chính trị có ý nghĩa vô cùng lớn lao: Cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế nơi miền núi Tây Bắc.

Bài thơ là sự kết tinh xuất sắc giữa tư tưởng và nghệ thuật của Chế Lan Viên trong sự nghiệp thi ca cách mạng của mình. Những câu thơ trong lời đề từ cất lên thốn thức, lay động lòng người đọc, nó đã thể hiện được tư tưởng chủ đạo xuyên suốt tác phẩm:

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”

Câu hỏi tu từ vang lên thật nhẹ nhàng “Tây Bắc ư?” chứa đựng nỗi trăn trở, băn khoăn của nhà thơ trước tình cảnh đất nước lâm nguy. Tiếng gọi của Tổ quốc cứ vang vọng bên tai và tâm hồn Chế Lan Viên giờ đây chỉ còn là Tây Bắc xa xôi kia, ông chẳng còn ngại khó khăn, cũng chẳng sợ hiểm nguy rình rập bởi vì trái tim đã hoà chung nhịp đập Tổ quốc, bởi lòng ông đã “hoá những con tàu”.

Hai khổ thơ mở đầu vang lên những lời thơ như thúc giục, như rộn rã hơn, ngôn từ thật tha thiết, những câu hỏi ngày càng dồn dập đang xoáy sâu trong lòng tác giả nói riêng và thế hệ văn nghệ sĩ nói chung:

“Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?”

Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng

Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”

Hình ảnh ẩn dụ “con tàu” mang ý nghĩa biểu trưng cho khát vọng, hoài bão lớn lao đang tuôn chảy trong lòng hàng triệu nhân dân Việt Nam ta khi ấy. Tiếng con tàu vút cao lên như lời kêu gọi mạnh mẽ, nồng nhiệt của Chế Lan Viên. Biện pháp tu từ nhân hoá “Tàu đói những vành trăng” thật biểu cảm, sinh động, “vành trăng” hình ảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình cũng là biểu tượng cho ánh sáng, niềm tin và hy vọng dạt dào về chiến thắng vang dội vào một tương lai không xa.

Động từ “đói” gọi cho người đọc bao suy ngẫm, đất nước thật sự đang rất cần sự đồng lòng, sự đoàn kết trong nhân dân, dân thân sẵn sàng hy sinh để xây dựng Tổ quốc ngày càng vững mạnh. Tây Bắc - một địa danh cụ thể xa xôi, hiểm trở cũng là một hình ảnh biểu trưng cho đất nước, Tây Bắc là cội nguồn làm nên linh hồn của bài thơ, của sáng tạo nghệ thuật dạt dào.

“Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp”, nghệ thuật đối lập tương phản gợi sự trăn trở, day dứt trong lòng mỗi độc giả. Ta sống dưới sự che chở của thiên nhiên, sự bao bọc của Tổ quốc nhưng có khi nào ta giật mình nhìn lại mình đã làm được gì cho đất nước hay chỉ sống một cuộc đời vô nghĩa “lòng đóng khép” với thế sự ngoài kia.

Niềm hạnh phúc dâng trào, niềm vui sướng khi trở về với vòng tay quê hương được nhà thơ tái hiện thật chân thành, mộc mạc trong chín khổ thơ tiếp theo, qua đó gợi lại về những kỷ niệm tươi đẹp, gắn bó thuở kháng chiến:

“Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân...
Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn toả nhớ mùi hương.”

Con người khung cảnh nay đã đổi thay, mười năm kháng chiến đi qua “như ngọn lửa” rạo rực, vẫn đang bùng cháy trong lòng tác giả. Có lẽ lúc này, tâm hồn cần sự nghỉ ngơi, cần sự an ủi bởi bàn tay gia đình cho nguôi đi nỗi thương chất chứa trong lòng bao năm, “Cho con về gặp lại mẹ yêu thương”. “Mẹ” ở đây ngoài là người mang nặng đẻ đau, thì cũng có thể là mẹ thiên nhiên, mẹ Tổ quốc thân thương.

Biết bao kỷ niệm vùng Tây Bắc vẫn in đậm trong tâm trí tác giả, hình ảnh “người anh du kích”, “thằng em liên lạc”, người mẹ tóc bạc, nhớ “bản sương giăng”, nhớ cả “đèo mây phủ”, những hình ảnh thật cụ thể, giàu liên tưởng sâu sắc. Tình yêu thương sâu nặng, sự che chở, đùm bọc của đồng bào nơi đây như tiếp thêm sức mạnh cho những người chiến sĩ trong công cuộc xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

Chế Lan Viên bằng sự nhạy cảm của mình cũng đã khám phá ra quy luật rất đặc biệt trong suy nghĩ con người: “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/Khi đi đất bỗng hoá tâm hồn”. Thuở đầu đặt chân đến vùng đất mới, mọi thứ trong ta hoàn toàn xa lạ, đất chỉ đơn giản là nơi ta sinh sống, tồn tại.

Nhưng thời gian thấm thoát thoi đưa, lâu dần mảnh đất ấy trở nên thân thuộc, từng cái cây ngọn cỏ, từng dáng vẻ con người hằn sâu trong trái tim ta thật sâu sắc, khó phai nhòa, trở thành một phần trong mảnh ghép “tâm hồn” những con người xa quê. Sự chuyển hoá lạ kỳ ấy không phải tự nhiên mà có, nó xuất phát từ tình yêu thương, gắn bó, sự đồng cảm của tâm hồn, nó biến vùng đất lạ lẫm trở thành quê hương thứ hai của mọi người.

Tình yêu trong thơ Chế Lan Viên chẳng phải là tình cảm lứa đôi đơn lẻ mà nó còn hoà mình cùng tình yêu thương đất nước, quê hương. Anh nhớ em! Nỗi nhớ dạt dào, da diết “như đông về nhớ rét”, gắn bó keo sơn, đẹp đẽ, thơ mộng “như cánh kiến hoa vàng”. Tình anh và em nồng nàn, cháy bỏng trong sự chứng kiến của núi rừng Tây Bắc, chỉ cần nắm tay nhau đi qua biết bao mùa chiến dịch.

Tình yêu ta đã hoá miền đất xa lạ trở thành thân quen, gần gũi như quê hương máu thịt, tâm hồn. Bằng ngòi bút tài hoa đậm chất nghệ sĩ lãng mạn của mình, Chế Lan Viên không ngần ngại diễn tả tình yêu với sự hóm hỉnh sâu lắng, sự khăng khít, thủy chung với những hình ảnh rực rỡ sắc màu, mang đậm dư vị của núi rừng vùng cao Tây Bắc.

Tiếng gọi của Tổ quốc lại vang lên mạnh mẽ, người chiến sĩ lên đường ra chiến trường không một giây đắn đo suy nghĩ, anh đi mang theo gánh nặng trọng trách trên vai “Đất nước gọi hay lòng ta gọi?”, cả niềm tin yêu nơi hậu phương đang mong chờ “Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ”. Tác giả mượn hình ảnh trong ca dao để miêu tả vẻ đẹp thanh cao, trong sáng trong tâm hồn, “vàng” vừa cao quý, vừa sắt son kiên cường trước ngọn lửa hung tàn, không hề nao núng, giữ nguyên ý chí thuở ban sơ của mình.

Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên là bài thơ đặc sắc để lại giá trị to lớn cho nền thơ ca Việt Nam. Bài thơ là tiếng lòng trăn trở, tha thiết của tác giả trong công cuộc xây dựng Tổ quốc, mong muốn được hoà nhập với nhân dân, với cuộc đời. Hình ảnh “con tàu” chở bao hy vọng, khát khao của Chế Lan Viên đến vùng đất Tây Bắc xa xôi, nơi đây cũng chính là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng chất thơ trong tâm hồn tác giả.

Bài làm mẫu 5

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã có một nhận định rất hay về phong trào thơ Mới giai đoạn 1932 -1941 rằng: “Đời chúng ta nằm trong vòng chữ Tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu...” Và người đã nhắc đến một đặc điểm thơ độc đáo của Chế Lan Viên ấy là những vần thơ rất đối đầu đón buồn thảm, là những xúc cảm điên loạn trước thực cảnh hoang tàn, loạn lạc. Để rồi trong một tác phẩm của mình ông đã viết “Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh/Một vì sao trọi cuối trời xa!/Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh/Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo!”. Chỉ đến khi cách mạng tháng tám đã thành công, thì hồn thơ Chế Lan Viên mới có nhiều sự thay đổi mạnh mẽ, để nhà thơ hướng về cuộc đời với một tâm hồn nồng nàn sôi nổi. Tất cả những đặc điểm đổi mới ấy ta sẽ gặp nhiều trong tập Ánh sáng và phù sa, và một trong những bài thơ hay và tiêu biểu nhất phải kể đến Tiếng hát con tàu với hai câu thơ có lẽ đã đi vào ký ức của nhiều người “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”.

Ánh sáng và phù sa (1960) được xem là tập thơ đánh dấu bước trưởng thành của hồn thơ Chế Lan Viên sau cách mạng thành công. Tiếng hát con tàu được viết dựa vào cảm hứng từ một sự kiện kinh tế chính trị xã hội quan trọng của đất nước, phong trào vận động nhân dân miền xuôi ngược lên vùng Tây Bắc

xây dựng kinh tế mới những năm 1958-1960, chiến trường xưa trở thành một nông trường trù phú.

Với nhan đề “Tiếng hát con tàu”, thì hình ảnh “con tàu” là một sáng tạo nghệ thuật, được nâng lên thành một biểu tượng cho phong trào nhân dân miền xuôi lên miền núi để xây dựng đất nước với tinh thần say mê, háo hức, sôi nổi. Không chỉ vậy, hình ảnh “con tàu” còn là biểu tượng cho hành trình tư tưởng của nhà thơ, hành trình bước ra từ những đau thương buồn khổ sang sự vui tươi hứng khởi, bước từ cái tôi cá nhân chuyển sang cái tôi chung hòa nhập với cộng đồng. Bên cạnh đó hình ảnh “con tàu” còn là biểu tượng cho phong trào thâm nhập vào thực tế cuộc sống để sáng tác của giới văn nghệ sĩ lúc bấy giờ. Gắn liền với hình ảnh “con tàu” là hai từ “tiếng hát” ở đây là biểu hiện cho sự say mê, hứng khởi, là minh chứng cho sự tự nguyện của nhân dân ta trên “con tàu” lên vùng Tây Bắc xây dựng kinh tế mới.

Với phần lời đề từ, tác giả đã mở ra những định hướng cho nội dung bài thơ.

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc” chỉ trong một câu thơ thôi mà có đến hai từ “Tây bắc” không chỉ vậy nó lại còn là một địa danh rõ ràng, hoàn toàn phạm vào điều cấm kỵ trong thơ ca, thế nhưng ở đây việc lặp lại ấy là do sự cố ý của tác giả, bộc lộ tầm quan trọng của địa danh này trong tâm hồn của tác giả, đồng thời cũng dần mở ra đối tượng và chủ thể chính trong bài thơ là hướng về vùng đất Tây Bắc. Vùng cực tây của xa xôi, hẻo lánh của Tổ quốc, là cái nôi bảo bọc kháng chiến chống Pháp trong suốt 9 năm trời đằng đẵng của dân tộc ta. Trong hiện tại Tây Bắc đã không còn là chiến trường ác liệt mà lại trở về là một mảnh đất nghèo nàn, nhiều khó khăn cần rất cần những bàn tay chung sức xây dựng và phát triển. Kết cấu hỏi đáp trong câu thơ đầu của lời đề từ ““Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc, còn nhằm gọi ra không chỉ riêng mình Tây Bắc mà còn rất nhiều nơi xa xôi hẻo lánh khác trên khắp mảnh đất hình chữ S đang rất cần những bàn tay kiến thiết, xây dựng. Và cũng không chỉ riêng mảnh đất Tây Bắc mới khơi nguồn cho người nghệ sĩ sáng tạo, mà tất cả những dải đất trên đất nước Việt Nam đều có thể trở thành niềm cảm hứng trong thi ca của giới văn nghệ sĩ trong đó có cả Chế Lan Viên. Sau khi đã khẳng định một điều rằng cần phải đến với Tây Bắc cần phải đến những nơi xa xôi của Tổ quốc, thì hai câu “Khi lòng ta đã hoá những con tàu/Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát” đã nêu ra hai điều kiện để có thể thực hiện được những hành trình lên đường ấy,

điều kiện chủ quan là bản thân mỗi chúng ta có khát vọng lên đường, điều kiện khách quan là Tổ quốc đã lên tiếng gọi, có những chủ trương chính sách khuyến khích con người lên đường làm kinh tế mới, góp phần xây dựng đất nước. Từ hai điều kiện ấy, đã đến đến kết quả “Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”, ta có thể hòa nhập với Tây Bắc, ta có thể góp phần xây dựng Tây Bắc trở nên giàu đẹp hơn và ngược lại Tây Bắc cũng sẽ mang lại những cảm hứng sáng tác rộng mở cho nhiều văn nhân nghệ sĩ, Tây Bắc là cộng đồng chung của mọi nhà để ta có thể phá cô đơn hòa nhập với cộng đồng.

Ở hai khổ thơ đầu tiên Chế Lan Viên đã viết về nỗi trăn trở và lời mời gọi lên đường tha thiết.

“Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?

Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng

Đất nước mênh mông, đòi anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”

Nhà thơ đã lần lượt mở ra hai không gian hoàn toàn đối lập nhau là Tây Bắc và Hà Nội. Nếu không gian Tây Bắc hiện lên với những từ “đi xa”, “gió ngàn rú gọi”, “ngoài cửa ô”, “đất nước mênh mông”, “trên kia”, gọi ra một không gian rộng lớn, không gian chung của nhân dân của cộng đồng, đầy tự do dẫu rằng có nhiều thiếu thốn, nghèo nàn. thì không gian Hà Nội lại được tái hiện thông qua những từ ngữ như “giữ trời Hà Nội”, “đòi anh nhỏ hẹp”, “lòng đóng khép”, gọi ra sự chật chội, tù túng, bó hẹp, trong xa hoa, sung túc. Từ đó tác giả đưa ra một loạt các câu hỏi Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?”, “Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi/Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng”, “Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?” được sắp xếp theo mức độ tăng tiến dần, đầu tiên chỉ là một lời ước hỏi, mời mọc nhẹ nhàng, sau đó là lời “rú gọi” đầy hối thúc khẩn trương, giục giã lên đường. Rồi cuối cùng là đỉnh điểm với sự dồn ép, yêu cầu người nghệ sĩ phải lựa chọn một cách dứt khoát và nhanh chóng giữa mảnh đất Hà Nội và Tây Bắc. Việc tác giả dùng đại từ “anh”, để tự chất vấn mình, thể hiện nỗi trăn trở suy tư của tác giả giữa việc lên đường tìm cảm hứng mới, xây dựng đất nước hay ở lại với bầu trời Hà Nội chật hẹp, bắt buộc bản thân phải lựa

chọn. Và cuối cùng tác giả cũng đưa một lựa chọn “Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép/Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”, sử dụng lập luận phủ định chẳng có nghệ thuật nào được sản sinh ra từ cuộc đời bó hẹp, làm nền cho việc khẳng định quyết định ra đi tìm cảm hứng sáng tác để hồi sinh hồn thơ của mình, gặp lại chính mình với tư cách của một người nghệ sĩ chân chính. Từ đó khái quát lên mối quan hệ giữa thơ ca và cuộc sống, hiện thực cuộc sống sẽ là ngọn nguồn của thi ca, như Nam Cao đã viết rằng “Sống đã rồi hãy viết”.

Sau sự trăn trở và lời mời gọi lên đường tha thiết mà tác giả tự nói với mình thì chín khổ thơ tiếp theo tác giả đã thể hiện sự khát khao được quay trở về với mảnh đất kháng chiến, khát khao được quay trở về với nhân dân.

“Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất

Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân”

Trong khổ thơ thứ 3 chính là nhận thức của tác giả về mảnh đất Tây Bắc, việc lặp lại hai lần liên từ “Tây Bắc” trong câu thơ đầu thể đã thể hiện những tình cảm dâng trào, thấm thiết của nhà thơ đối với mảnh đất Tây Bắc, mảnh đất mà gần mười năm qua đã diễn ra cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Trong quá khứ Tây Bắc là “xứ thiêng liêng”, bởi nó đã góp công góp sức, lập nên những chiến công “anh hùng” như Tố Hữu từng viết trong Việt Bắc “núi giăng thành lũy sắt dày/Rừng che bộ đội rừng vây quân thù,...”, thể hiện niềm tự hào sâu sắc về một mảnh đất Tây Bắc anh hùng. Không chỉ vậy mảnh đất Tây Bắc ấy còn là nơi “máu rỏ” nơi đã chứng kiến những sự hy sinh, mất mát, những nỗi đau của dân tộc. Từ quá khứ tác giả bắt đầu nhìn đến hiện tại, “Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân”, từ sự hy sinh thầm lặng, kéo dài của của bao nhiêu thế hệ con người, thì hôm nay Tây Bắc đã hồi sinh với những vụ mùa bội thu, đạt được những thành quả đáng quý “dạt dào” thể hiện sức sống sôi trào, là những thành quả vô cùng to lớn.

Đến khổ thơ thứ tư lại chính là ý thức của tác giả về cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong suốt 9 năm ròng.

“Ôi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa

Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường

Con đã đi nhưng con cần vượt nữa

Cho con về gặp lại mẹ yêu thương”

Tác giả gọi kháng chiến như gọi một người thân thiết của mình, sắc thái trìu mến thiết tha, không chỉ là nỗi đau mà còn là niềm tự hào, vinh dự trước thành công của dân tộc. Trong quá khứ, cuộc kháng chiến 9 năm của dân tộc được so sánh “như ngọn lửa” mang ý nghĩa biểu tượng, mang trong đó nhiệt thành cách mạng, gắn liền với những chiến công rực rỡ, và là ngọn lửa của lí tưởng soi đường để các thế hệ thanh niên đang bế tắc. Đồng thời “ngọn lửa” ấy còn là ánh sáng soi đường cho các thế hệ thanh niên của nghìn năm sau nữa, trở thành một định hướng về lí tưởng, khát vọng cách mạng cho người dân Việt Nam các thế hệ nối tiếp. Từ đó tác giả xác định nhiệm vụ cho các thế hệ tương lai “Con đã đi nhưng con cần vượt nữa”, nhắc lại quá khứ “con đã đi”, nhắc về cuộc lột xác của các trí thức sau cách mạng tháng tám. Rồi từ quá khứ ấy tác giả đặt ra nhiệm vụ cho chính mình và các thế hệ mai sau “con cần vượt nữa”, cần có những cuộc lột xác khác, mạnh mẽ và quyết liệt hơn hôm qua, cần biết từ bỏ khung trời cá nhân chật hẹp, tù túng để đi đến với khung trời của nhân dân rộng lớn, chung tay góp sức xây dựng đất nước, kiến thiết kinh tế. Mà cụ thể là “Cho con về gặp Mẹ yêu thương”, đến với một hành trình vui sướng, an toàn và ấm áp, được về với tổ ấm của mình, gặp lại “mẹ yêu thương”. Cách gọi “Mẹ” đầy trìu mến yêu thương, chính là để chỉ nhân dân, nguồn nuôi dưỡng cho kháng chiến đã qua, nguồn nuôi dưỡng cho cảm hứng sáng tác của các văn nghệ sĩ.

Sau những nhận thức về kháng chiến và nhiệm vụ tiếp theo của mỗi con người, thì khổ thơ thứ 5 tác giả đã bộc lộ niềm hân hoan sung sướng khi gặp lại nhân dân.

“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”

Tác giả dùng biện pháp so sánh mở rộng trùng điệp, “con gặp lại nhân dân” được ví như “nai về suối cũ”, như “cỏ đón giêng hai”, “như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa”, như “chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”. Tác giả sử dụng những hình ảnh nhỏ bé, dung dị đời thường và đều có một điểm chung là cạn kiệt sức sống, rồi đem gắn với những hình ảnh to lớn, dồi dào sức sống tựa như nguồn nuôi dưỡng vô tận. Ứng với hình ảnh một cái “tôi” chật chội giam mình trong khung trời chật chội và hình ảnh nhân dân vĩ đại. Khi trở về với nhân dân cái tôi nghệ sĩ đã hồi sinh trở lại, lại tràn trề dạt dào sức sống, với tâm trạng

náo nức sung sướng và mê say. Từ đó khái quát được một chân lý hạnh phúc lớn lao nhất là khi được trở về với cuộc đời rộng mở của nhân dân.

Từ đó đi vào cụ thể hóa hình ảnh của nhân dân thông qua các khổ thơ 6, 7, 8.

“Con nhớ anh con, người anh du kích

Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn

Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách

Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con

Con nhớ em con, thằng em liên lạc

Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ

Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc

Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư

Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc

Năm con đau, mẹ thức một mùa dài

Con với mẹ không phải hòn máu cắt

Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi”

Nhân dân không còn là khái niệm chung chung trừu tượng nữa mà đã được cụ thể thông qua hình ảnh những con người gần gũi thân mến, được tác giả xưng gọi một cách thân tình “anh-con”, “em-con”, “mẹ”, như là những người ruột thịt của mình. Nhân dân chính là hình ảnh “người anh du kích” được tái hiện tập trung qua chi tiết “chiếc áo nâu”, gắn với hình ảnh “suốt một đời vá rách”, thấy được cuộc sống lam lũ, nghèo khổ, có phần tội nghiệp của người anh du kích, gắn với hình ảnh “đêm công đồn”, hiện lên hình ảnh của một người du kích hết sức dũng cảm, hào hùng, oanh liệt, gắn với hình ảnh “đêm cuối cùng anh gửi lại cho con”, thấy được tình cảm yêu thương vô bờ của người anh du kích dành cho các em của mình, thấy được sự chuyển giao nhiệm vụ cho các thế hệ kế tiếp, trách nhiệm cứu nước và xây dựng kiến thiết đất nước.

Ở khổ thơ tiếp theo chúng ta còn thấy hình ảnh nhân dân hiện lên thông qua “thằng em liên lạc”. Người em liên lạc hiện lên trong bối cảnh không gian “rừng rậm”, “bản Na”, “bản Bắc”, bước chân của em in dấu trên mọi nẻo

đường Tây Bắc, hiện lên trong bối cảnh thời gian “sáng-chiều”, “mười năm tròn”, bước chân của em bền bỉ, băng qua suốt cả quãng thời gian trường kỳ kháng chiến để đem đến thắng lợi cho dân tộc. Cuối cùng đạt được kết quả vô cùng xuất sắc “Mười năm tròn chưa mất một phong thư”.

Ở khổ thơ thứ tám, hình ảnh nhân dân lại hiện lên thông qua hình ảnh “mế”, thể hiện mối quan hệ khăng khít bền chặt như ruột thịt. Hình ảnh “mế” tập trung ở cụm từ “lửa hồng soi tóc bạc”, mái tóc in dấu thời gian, sương gió phôi pha của cuộc đời. Mế đã tái sinh cuộc đời con lần nữa qua những “mùa dài” thức trông con ốm bệnh. Để cuối cùng tác giả đi đến một lời khẳng định “Con với mế không phải hòn máu cắt/Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi”, bộc lộ tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết vô tận kéo dài mãi không thôi mà tác giả dành cho nhân dân.

Từ nhớ người tác giả chuyển sang nhớ cảnh thể hiện ở khổ thơ thứ 9.

“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!”

Nếu như Quang Dũng “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi” là nỗi nhớ vô định không đầu không cuối, hay Tố Hữu với “Nhớ gì như nhớ người yêu” là một nỗi nhớ không thể gọi tên thì nỗi nhớ của Chế Lan Viên lại được định hình một cách rõ ràng và sâu sắc. Biện pháp điệp từ “nhớ” vừa nhấn mạnh, vừa thể hiện nỗi nhớ trào dâng, nào là “bản sương giăng”, “đèo mây phủ”, vốn là những vẻ đẹp rất đặc trưng của núi rừng Tây Bắc. Từ những xúc cảm riêng đã được tác giả nâng lên thành quy luật tình cảm của con người, “Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?”. Từ quy luật ấy tác giả lại tiếp tục nâng lên thành một triết lý “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!”, dựng lên cặp đối lập “khi ta ở-khi ta đi”, lúc ta ở thì đất chỉ là một địa danh vô tri, nhưng khi ta đi thì mảnh đất ấy đã trở thành một phần trong trái tim trong tâm hồn ta, trở nên gắn bó thân thiết lạ kỳ. Giống như cái cách mà nhà thơ Giả Đảo viết trong Độ Tang Càn “Vô đoan cánh độ Tang Càn thủy/Khước vọng Tinh Châu thị cô hương”, hay như Ba-sô viết “Đất khách mười mùa sương/về thăm quê ngoảnh lại/Ê-đô là cố hương”.

Từ nỗi nhớ về nhân dân, sau đó là nỗi nhớ về cảnh vật Tây Bắc tác giả đã chuyển sang sự suy ngẫm về tình yêu và đất lạ.

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương
Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vất xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương”.

Tiếp tục với mạch cảm xúc nhớ về nhân dân, tác giả chuyển sang nỗi nhớ bất chợt về người yêu. Nỗi nhớ ấy được diễn tả bằng một hình ảnh rất độc đáo “như đông về nhớ rét”, giá rét chính là linh hồn của mùa đông, chúng gắn bó chặt chẽ với nhau, là nỗi nhớ khắc khoải, bắt buộc phải tồn tại với nhau và làm nên giá trị của nhau. Ở nỗi nhớ chuyển sang suy ngẫm về tình yêu, được so sánh bằng lối mở rộng tình yêu đôi ta được so với “cánh kiến hoa vàng”, như “Xuân đến chim rừng lông trở biếc”. Cánh kiến cần được sống trên thân cây chủ là hoa vàng, ngược lại cây thân gỗ hoa vàng cũng rất cần cánh kiến để tạo ra được những giá trị quý giá, chúng không thể tách rời nhau, gắn bó cực kỳ khăng khít và bền chặt. Mùa xuân đến vạn vật hồi sinh, trong đó có cả loài chim rừng, bộ lông vốn xác xơ được trở lại với cái vẻ mượt mà, óng ả, bộ lông trở biếc làm cho mùa xuân thêm rực rỡ, diễn tả quan hệ gắn bó của tình yêu đôi lứa. Cuối cùng từ nỗi nhớ, từ tình yêu ấy tác giả đã nâng lên thành triết lý “Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”. Trong nỗi nhớ về em, từ đó tác giả theo mạch nói về tình yêu của đôi ta, thì tác giả gợi về những kỷ niệm đôi lứa trong những tháng ngày kháng chiến. Là cái nắm tay “cuối mùa chiến dịch”, không chỉ thuần túy là cái nắm tay của tình yêu đôi lứa, mà còn là cái nắm tay của tình quân dân, thể hiện sự đoàn kết toàn dân góp phần làm nên vinh quang chiến thắng của dân tộc. Là mùi hương của vất xôi nuôi quân, nồng nàn lan tỏa cho đến tận bây giờ, thể hiện tình người ấm áp, thể hiện mối quan hệ quân-dân tha thiết, gắn bó.

Đến bốn khổ thơ cuối bài chính là khúc hát lên đường của nhà thơ.

“Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi?
Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga”

Khổ thơ thứ 13 mở ra là một câu hỏi tu từ “Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi?”, khẳng định sự lên đường là do cả đất nước vẫy gọi là quan trọng hơn là do lòng ta vẫy gọi, thôi thúc. Quyết định ấy xuất phát từ những yếu tố “Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ”, là nhân dân Tây Bắc đang tha thiết mong chờ, vẫy gọi, khiến ta không thể chần chừ thêm nữa mà vội hối thúc “Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội/Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga”. Tác giả dùng kiểu câu cầu khiến đã đưa ra mệnh lệnh, thể hiện sự vội vàng, cuống quýt, thúc giục khiến ta không thể chậm trễ. Hình ảnh “vỗ cánh”, khiến chúng ta liên tưởng đến việc nhà thơ đang bay lên vượt ra khỏi khung trời chật chội của đời sống cá nhân để vươn tới khung trời cao rộng của nhân dân, thể hiện khát khao cháy bỏng của nhà thơ, cũng như mục đích “thêm những mái ngói đỏ trăm ga” trên khắp nẻo đường Tây Bắc, tức là hình ảnh đất nước rực rỡ phát triển, nhìn thấy sự hồi sinh, thay da đổi thịt của đất nước. Khao khát được chung tay được góp phần tạo nên sự đổi mới đất nước, tạo dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân.

Sau những lời giục giã, thôi thúc thì nhà thơ đã chính thức lên đường với khí thế được thể hiện trong khổ thơ thứ 13.



“Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng

Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào

Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến

Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao”

Sử dụng cấu trúc điệp, thể hiện khí thế vội vàng, hăng hái, sôi sục nhiệt huyết lên đường trong “Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng/Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến”, tạo nên sức mạnh đoàn kết chung tập thể, trong nhiệm vụ chung, thể hiện thái độ hừng khởi, nhiệt tình, say mê. Vì đích đến phía trước đang mở ra vẫy gọi “Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào”, gọi ra những vụ mùa bội thu, sự vui tươi, náo nhiệt khắp mảnh đất Tây Bắc, “Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao”, gọi ra không khí lao động nhiệt thành, hăng hái, đầy sức sống.

Trong khí thế lên Tây Bắc, trở về với nhân dân, tác giả lại chợt nhớ về quá khứ và có sự so sánh với hiện tại trong khổ thơ thứ 14.

“Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đỏ

Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ

Mười năm chiến tranh, vàng ta đau trong lửa

Nay trở về, ta lấy lại vàng ta”.

Đó là những ngày “mười năm nhân dân máu đổ”, mười năm kháng chiến chống Pháp đầy gian lao, đầy mất mát chông chênh, biết bao nhiêu thể hệ cha anh đã hy sinh, rồi “vàng ta đau trong lửa”, là biểu tượng cho những giá trị quý giá, chỉ vẻ đẹp của Tây Bắc gồm cả thiên nhiên và con người, tiềm năng kinh tế dồi dào, là nguồn cảm hứng sáng tác quý giá. Tất cả những giá trị trân quý ấy đã bị vùi dập hủy diệt trong chiến tranh suốt 10 năm trời. Quay về hiện tại tác giả nhận ra sự tiếp nối trong đối lập “nay trở về, ta lấy lại vàng ta”, khôi phục lại vẻ đẹp của Tây Bắc, tìm lại nguồn cảm hứng sáng tác dồi dào. Cuối cùng tác giả nhận ra một chân lý “Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ”.

“Lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vàng trắng

Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống

Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân”

Về Tây Bắc lấy lại vàng ta, lấy cả những cơn mơ với những mộng tưởng, lấy cả những niềm tin về tương lai huy hoàng của dân tộc. Từ niềm hứng khởi ấy tác giả tiếp tục tái hiện hình ảnh con tàu đang thụ hưởng “vàng trắng”, đang uống “mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân”, biểu trưng cho vẻ đẹp của cuộc đời, vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của con người Tây Bắc. Và bản thân tác giả cũng đang tận hưởng những vẻ đẹp ấy thông qua động từ rất hay “uống”, khiến cho vẻ đẹp của cuộc đời kia trở nên hữu hình, thể hiện sự tận hưởng trọn vẹn, đã đầy, no nê.

Tiếng hát con tàu là bài thơ thể hiện niềm khát vọng và hân hoan trong tâm hồn nhà thơ khi được trở về với nhân dân, để tìm lại được nguồn nuôi dưỡng cho sự sáng tạo nghệ thuật và cho hồn thơ của mình. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở sự sáng tạo hình ảnh gắn với những liên tưởng phong phú bất ngờ, tạo nên một vẻ đẹp tinh tế rực rỡ cho thơ Chế Lan Viên, bên cạnh đó thơ ông còn đặc biệt bởi có sự thống nhất giữa trí tuệ và cảm xúc, đem đến cho người đọc những triết lý suy tưởng sâu xa.

Bài làm mẫu 6

Những người yêu thơ Việt Nam không ai là không biết đến Chế Lan Viên. Thơ Chế Lan Viên coa phong cách độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, luôn có ý thức khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng triết lý với thế giới hình ảnh đa dạng phong phú, đầy sáng tạo. Tập thơ xuất sắc, kết tinh tư tưởng

và nghệ thuật thơ Chế Lan Viên trên con đường thơ cách mạng là "Ánh sáng và phù sa"(1960). Và bài thơ "Tiếng hát con tàu" được rút từ tập thơ này.

"Tiếng hát con tàu" được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế – chính trị, xã hội: cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc vào những năm 1958 – 1960. Bài thơ trước hết gây ấn tượng bởi bốn câu lời đề từ:

"Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu".

Bốn câu thơ làm lời đề từ xuất hiện ngay sau nhan đề với nhiệm vụ thể hiện tư tưởng, cảm xúc bao trùm toàn tác phẩm. Với kết cấu là một khổ thơ lối hỏi – đáp, lời đề từ đã tỏ rõ khát vọng đi xa, đi đến bất kỳ nơi đâu khi Tổ quốc cần. "Tây Bắc" trong khổ thơ vừa để chỉ địa danh vừa để tượng trưng cho những vùng đất xa xôi. "Con tàu" là biểu tượng cho khát vọng đi xa để hiến dâng, phục vụ. Để vận động cho khát vọng ấy là những lời mời gọi lên tàu.

Tác giả sử dụng những câu hỏi tu từ vừa tăng tính hối thúc giục giã, vừa thể hiện sự băng khuâng không biết đi hay ở: "Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng?". Câu hỏi tu từ này vừa để hỏi tác giả vừa để hỏi mọi người. Sau khi hỏi, nhà thơ lại đưa ra hoàn cảnh đối lập: "bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội".

Nhưng đối với quan niệm: "chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép" Chế Lan Viên đã khẳng định được mối quan hệ giữa văn học và cuộc đời. Văn học phải gắn liền với cuộc đời, ta phải mở lòng với cuộc đời. Một hồi đấn đo bản khoán lên tàu đến Tây Bắc, cảnh sắc, mảnh đất Tây Bắc đã hiện ra trước mắt người đọc.

Nhà thơ đã dùng ngòi bút của mình để ngợi ca "xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng". Mảnh đất đã thấm "máu đỏ" này lần nữa hồi sinh trở lại "chín trái đầu xuân". Một sự sống mới bắt đầu sau mười năm kháng chiến. "Mười năm qua như ngọn lửa". Tác giả so sánh mười năm ấy như ngọn lửa nổi sáng không chỉ dân tộc Việt Nam mà còn soi đường đi đến thắng lợi.

Ngọn lửa ấy còn trường tồn vĩnh cửu với thời gian: "nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường". Hình ảnh đặc biệt xuất hiện trong khổ thơ này là "Mẹ yêu thương". Mẹ ở đây chính là mảnh đất Tây Bắc, là những bà mẹ Việt Bắc, bà mẹ của Tổ

quốc. Cách xưng hô "con" đã thể hiện sự kính trọng và khát vọng được trở về với nhân dân của tác giả.

Một trong những nét đặc sắc nội dung của bài thơ này là khái niệm "nhân dân". Dưới lời thơ của Chế Lan Viên, "nhân dân" hiện lên rất gần gũi. Trước hết là những hình ảnh so sánh liên tiếp: dòng suối mát lành đón "nai về suối cũ", hơi ấm mùa xuân cho cỏ rui bật mầm, ánh chiều quang cho én bầy chao liệng, bầu sữa ngọt ngào cho bé thơ đói lòng, và cánh tay nhẹ đưa nôi mềm cho giấc ngủ say.

Những hình ảnh rất đời quen thuộc này đã khiến cho khái niệm "nhân dân" trừu tượng trở nên dễ hiểu. Nhân dân vừa là vật chất, vừa là tinh thần. Trở về với nhân dân là hoàn toàn hợp lý, đúng lẽ tự nhiên. Mặc dù đoạn thơ giàu chất triết lý nhưng đậm chất trí tuệ không những không khô khan mà còn giàu hình ảnh.

Nhân dân không chỉ được miêu tả bởi những hình ảnh đẹp mà còn là những con người quen thuộc: "người anh du kích" nhường cơm xẻ áo, là "mế" – bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người mẹ nuôi cán bộ "mùa dài"; nhân dân là "người em liên lạc" mưu trí dũng cảm; là người em "vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng – đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch – bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương". Nhân dân là những con người sống nghĩa tình thủy chung.

Trong tác phẩm này, Chế Lan Viên còn nêu ra triết lý đó là nỗi nhớ trong tình yêu. Trong tình yêu, nỗi nhớ như quy luật của đất trời như "đông về nhớ rét". Tình yêu đẹp và cao quý như "cánh kiến hoa vàng". Tình yêu còn có khả năng làm con người thay đổi "như xuân đến chim rừng lông trở biếc". Tình yêu ấy còn có khả năng diệu kỳ hơn đó là "đất lạ hóa quê hương".

Tình yêu có thể khiến những người đang yêu yêu lấy một mảnh đất hoàn toàn xa lạ, yêu mảnh đất ấy như chính quê hương của mình. Trong thơ Chế Lan Viên luôn chứa đựng triết lý như thế. Không chỉ là nỗi nhớ trong tình yêu Chế Lan Viên còn nhớ cảnh vật. Tác giả nhớ đến những cảnh vật quen thuộc mang nét đặc trưng của vùng đất Tây Bắc "nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ – Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn".

Bằng nỗi nhớ này, nhà thơ còn thể hiện khát vọng trở về với nhân dân, trở về với những kỉ niệm nghĩa tình để đền ơn đáp nghĩa. Kết thúc bài thơ là một khổ thơ như lời vận động:

"Lấy cả những con mơ!

Ai bảo con tàu không mộng tưởng?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân".

Tiếng gọi đất nước của nhân dân của đời sống trở thành sự hồi thức bên trong, trở thành lời giục giã của chính lòng mình. Đến với Tây Bắc là về với chính mình, tìm lại chính mình "Nay trở về lấy lại lòng ta". Đến với Tây Bắc là về với ngọn nguồn của hồn thơ, của cảm hứng sáng tạo: "Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ". Khổ thơ sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ độc đáo làm cho khổ thơ càng thêm tính gợi hình và gợi cảm, có chiều sâu và chạm đến trái tim người đọc.

Những lời bộc bạch của Chế Lan Viên trong tác phẩm "Tiếng hát con tàu" đã cho người đọc thấy được những hình ảnh tốt đẹp của Tây Bắc – nơi không chỉ có cảnh sắc và tình người, nơi ấy còn là cảm hứng của thi ca. Mang trong mình sức hấp dẫn ấy, Tây Bắc đã đại diện cho những vùng đất xa xôi nhưng tràn đầy hi vọng. Bằng nhiệt huyết của mình, Chế Lan Viên đã đưa người đọc đến gần với Tây Bắc hơn và đã góp phần vận động họ xây dựng kinh tế ở nơi này.

Bài làm mẫu 7

"Tiếng hát con tàu" dấy nẻo hồn ta, khi nào nức hăm hở, khi băng khuâng xao xuyên và tràn ngập hạnh phúc được đến với Tây Bắc, đến với "xứ thiêng" của Tổ quốc để tận hưởng dư vị ngọt ngào của tình yêu quê hương đất nước. Có đọc thơ Chế Lan Viên trước cách mạng tháng Tám - một bài thơ "lẻ loi bí hiểm" bởi thể giới nghệ thuật đầy hình ảnh kinh dị với "cảnh ngàn thu cây lá ngọn, muôn ma Hời sò soạng dất nhau đi", với những "huyết sọ", "tuỷ não" của "thế giới điều tàn"... thì mới thấy "Tiếng hát con tàu" là hành khúc mới mẻ của tâm hồn đang được thanh xuân trong "ánh sáng và phù sa" của cuộc đời mới.

Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh "cả nước lên đường" sau những năm dài chiến tranh và đói nghèo. Niềm vui lớn của cuộc đời đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Điều đó đặc biệt có ý nghĩa đối với các văn nghệ sĩ lãng mạn đã trở một thời "đi trốn", ẩn náu vào "cái tôi" cá nhân sầu mộng, xa lánh thực tại cuộc đời, nay trở về sống giữa nhân dân trong vận hội mới "phá cô đơn, ta hoà hợp với người". Nhà thơ Chế Lan Viên đã ghi đề từ cho bài thơ bằng bốn câu thơ hàm súc:

"Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”.

Cả bài thơ là hành trình của con tàu tâm hồn mang khát vọng lên đường, là cuộc hoá thân kì diệu của hồn thơ lãng mạn giữa cuộc đời giàu ý nghĩa, đồng thời còn là cuộc trở về với chính tâm hồn thơ của mình trong cuộc sống rộng lớn của nhân dân. Có riêng gì Tây Bắc, một vùng đất rộng lớn giàu tiềm năng của Tổ quốc đang vẫy gọi, khi khát vọng cuộc sống mới trong lòng đã hoá những con tàu tốc hành mang năng lượng của tình yêu đất nước.

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát, thì tâm hồn thi sĩ cũng là một vùng đất phì nhiêu với những tiềm năng mới đang khát khao được giao cảm được đem lại hương thơm trái ngọt cho cuộc đời: “Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”. Thực tế, chưa có một đường tàu cụ thể và con tàu cụ thể lên Tây Bắc. Sáng tạo hình tượng “con tàu” và “Tây Bắc”, nhà thơ đã thể hiện dụng ý nghệ thuật sâu xa.

“Tây Bắc” không chỉ là địa danh xa xôi của Tổ quốc mà còn là biểu tượng cuộc sống rộng lớn của nhân dân, là cội nguồn cảm hứng của văn học nghệ thuật. Và “Con tàu” trở thành biểu tượng cho tâm hồn nhà thơ đang khao khát thoát khỏi cuộc sống chật hẹp quanh đê đến với nhân dân, đến với cuộc sống. Thơ ca không chỉ là sản phẩm của tâm hồn người nghệ sĩ, mà còn là sản phẩm của hoàn cảnh.

Vì vậy bài thơ “Tiếng hát con tàu” không thể có được khi hoàn cảnh lịch sử không tạo ra những tiền đề, gợi ý mách bảo nhà thơ. Công cuộc kiến thiết đất nước những năm đầu của kế hoạch năm năm lần thứ nhất đã vạch ra định hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đánh thức dậy ý thức tự chủ của con người, nhiều bài thơ cùng thời là những biểu hiện sinh động của tiếng hát mang khát vọng ra đi dựng xây đất nước. Đặt tên cho bài thơ bằng hình tượng “Tiếng hát con tàu” còn là sự biểu đạt tiếng gọi của hồn thơ:

“Đất nước mênh mông đời anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”...

“Con tàu” vừa là sự hoá thân, vừa là sự phân thân, của cái tôi trữ tình nhà thơ. Khi là con tàu mời gọi lên đường: “Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng”?

“Tàu gọi anh đi, sao chưa ra đi?” Khi lại là con tàu mơ mộng chứa chất nỗi niềm, khát vọng lãng mạn: “Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng”, “Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội”, “lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng”...

Đọc bài thơ này, ta lại bắt gặp cá tính sáng tạo nghệ thuật trong phong cách thơ Chế Lan Viên. Những hình ảnh thơ luôn tạo nên những liên tưởng bất ngờ, thú vị giúp người đọc nhận ra những giá trị mới mẻ của cuộc sống, qua những từ ngữ tinh tế gợi cảm, đậm đà chất triết lí ý vị mà sâu xa. “Khi lòng ta đã hoá những con tàu”, thì con tàu tâm hồn ấy chở nặng, chất đầy những toa thương, toa nhớ:...

“Con nhớ anh con, người anh du kích...

Con nhớ em con, thằng em liên lạc....

Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc....

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét....

Nhớ bản sương dăng nhớ đèo mây phủ.

Tình cảm nhớ thương ấy sẽ lấp kín những khoảng cách của thời gian và không gian, đưa ta vượt qua những thác ghềnh của thử thách tâm lí và mặc cảm trước cuộc đời. Không có nơi nào trên Tổ quốc này là xa xôi nữa, không có thử thách nào ngăn giữ lòng ta đến với cuộc đời.

Đúng như nhà thơ đã có lần tâm sự, cuộc trở về của nhà thơ “từ thung lũng đau thương đến cánh đồng vui”. Có ai ngờ chính Chế Lan Viên đã có một cuộc đời thơ “đi trốn” xa lánh thực tại đến cực đoan (thuở “Điều tàn”):

- “Ai đâu trở lại mùa thu trước

Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?

Với của hoa tươi, muôn cánh rã

Về đây đem chấn nẻo xuân sang!”...

lại là một Chế Lan Viên rung rung xúc động khi trở về với cuộc đời thực, với tất cả sự áp iu, triu mến trân trọng giá trị mới mẻ của cuộc sống nhân dân:

“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng, hai, chim én gặp mùa

Như đưa trẻ thơ đôi lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”.

“Gặp lại nhân dân” là trở về cội nguồn sự sống, trở về với niềm vui thanh xuân tâm hồn, về với năng lượng mới của cảm hứng, với lòng nhân ái bao dung độ lượng vô biên. Những hình ảnh so sánh, ẩn dụ tầng tầng lớp lớp để diễn tả cho hết ý nghĩa sâu sắc cuộc “phục sinh” tâm hồn của thi sĩ lãng mạn. Tất cả những ý nghĩa cao đẹp ấy trở thành nguồn cảm xúc thiêng liêng, cất lên tiếng hát dạt dào cảm xúc.

Nhà thơ đột nhiên phát hiện: “Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ”. Khi tâm hồn nhà thơ đã lắng lọc cảm xúc từ cuộc đời thì biết bao kỉ niệm xôn xao hiển hiện trong lòng. Đây không phải là lần đầu tiên Tổ quốc lên tiếng hát gọi ta về Tây Bắc. Những năm tháng qua, theo tiếng gọi của Tổ quốc, bao thế hệ đã vượt thác băng rừng vào chiến dịch “Chín năm làm một Điện Biên - Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng” (Tố Hữu).

Còn giờ đây là tiếng hát gọi ta về với “Mùa nhân dân, giăng lúa chín rì rào” để lấy lại giấc mơ xưa, lấy lại những tâm hồn, những tấm lòng vàng một thời đau trong lửa... Tiếng hát ấy ngân nga xao xuyến ân tình, thức dậy trong lòng ta tình yêu quê hương đất nước:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”.

Vị ngọt ngào của tình yêu cũng như cái rét ngọt lúc đông về, không có rét sao gọi mùa đông. Nỗi “nhớ em” trở nên giàu ý nghĩa, “tình yêu ta” càng trở nên quý giá, sống động và thiêng liêng, chính tình yêu ấy đã có sức cảm hoá lòng người, cảm hoá tạo vật. Sự hoà điệu giữa tiếng hát tâm hồn và tiếng hát của cuộc đời mới đã thăng hoa những cảm xúc mới mẻ của nhà thơ. Quy luật hình thành nghệ thuật phải chăng cũng phát khởi từ sự nhập cuộc và hoá thân kì diệu ấy.

“Cái tôi” trữ tình của nhà thơ đã biểu đạt tâm trạng điển hình của “cái ta” chung cho mọi người. “Cái tôi” trữ tình của nhà thơ đã biểu đạt tâm trạng điển hình của “cái ta” chung cho mọi người. Tiếng hát của con tàu trở thành điệp

khúc tâm tình của bao tâm hồn đang khát khao được dâng hiến cho Tổ quốc, góp phần dựng xây đất nước mạnh giàu. Nhịp thơ linh hoạt tạo nên những cao trào của cảm xúc thơ, giữ cho tiếng hát vừa dòn dập vừa ngân nga trầm bổng.

Lắng nghe cảm xúc trong lòng mình, suy tư qua những trải nghiệm của cuộc sống, lời thơ trở thành lời tâm sự tha thiết chân thành vừa bộc lộ giải bày, vừa hàm súc, triết lý khái quát cuộc sống. Đây là bài thơ thể hiện khá đặc sắc các thủ pháp nghệ thuật sở trường của Chế Lan Viên, cũng là một trong những bài thơ có ý nghĩa tuyên ngôn thơ sau cách mạng của Chế Lan Viên với những ý tưởng sâu xa.

Trở về với cuộc đời, sống giữa nhân dân không chỉ tìm thấy nguồn cảm hứng sáng tác mới, mà thật sự là trở về với chính mình, với hồn thơ đích thực của người nghệ sĩ chân chính.

Bài “Tiếng hát con tàu” có nhiều câu thơ, nhiều hình ảnh thơ thuộc vào loại hay nhất của đời thơ Chế Lan Viên và của thơ ca cách mạng. Cách mạng và nhân dân đã thăng hoa cảm xúc thơ, phục sinh tâm hồn cho thi sĩ và chính nhà thơ đã tôn vinh vẻ đẹp của nhân dân và cách mạng, tôn vinh địa vị của thơ ca cách mạng. Nói như Xuân Diệu: “Văn chương cách mạng, văn chương với gian khổ hi sinh, cũng lại là cái văn chương chí nghĩa chí tình, văn chương nên thơ nên nhạc”.

Bài làm văn mẫu 8

Chế Lan Viên là một trong những nhà thơ có năng lực sáng tạo dồi dào với một sức liên tưởng, tưởng tượng phong phú, mãnh liệt. Trong đó, bài thơ “Tiếng hát con tàu” là một bài thơ đánh dấu bước trưởng thành vững chắc của Chế Lan Viên trên con đường thơ ca cách mạng và là một trong những thành tựu xuất sắc của nền thơ Việt Nam từ sau năm 1945.

“Tiếng hát con tàu” được lấy cảm hứng từ một sự kiện kinh tế xã hội của Đảng và nhà nước. Đó là cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên tham gia xây dựng tây Bắc những năm 1956 – 1960. Hưởng ứng cuộc vận động đó đã có rất nhiều nhà văn, nghệ sĩ vác ba lô lên đường. Riêng Chế lan Viên vì lí do sức khỏe nên ông không thể tham gia được.

Và bài thơ được ra đời như một chứng tích tâm hồn của nhà thơ với những tình cảm khát vọng vừa sôi nổi, vừa lắng đọng những suy ngẫm và cảm nhận về đời sống kết tinh sự trải nghiệm của Chế lan Viên qua nhiều năm tháng. Tiếng thơ cũng chính là tiếng lòng tâm sự của Chế Lan Viên khi không lên được Tây Bắc của nhà thơ. Ở hai khổ thơ đầu, nhà thơ thể hiện khát khao lên đường. “Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng”.

Sử dụng đại từ “Anh” chính là sự phân thân của chủ thể trữ tình. Chế Lan Viên hiện lên từ chủ thể trở thành khách thể tạo ra cuộc đối thoại giữa hai con người trong một nhà thơ. Tạo ra cuộc trò chuyện phân thân cũng là cách nhà thơ tự thuyết phục mình dưới hình thức thuyết phục người khác. “Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội” câu thơ cho thấy nỗi trăn trở của nhà thơ khi không được lên tây bắc.

Tiếp theo, nhà thơ sử dụng các hình ảnh biểu tượng như là “gió ngàn, vành trăng” biểu tượng cho hiện thực sôi động ở Tây Bắc. Hình ảnh “tàu đói” chính là tâm hồn anh đang đói sự sống, đang khô cạn, héo rụi. Khổ thơ đầu vừa là sự trăn trở mời gọi vừa là lời giục giã lên đường. Đến với tây bắc lúc này không chỉ là khát vọng còn là nhu cầu tự thân, không chỉ là trách nhiệm mà còn là việc làm thiết yếu ở tư cách công dân và cái tôi nghệ sĩ.

Ở khổ thơ thứ hai, nhà thơ tiếp tục nhấn mạnh những ý thơ hướng tới trách nhiệm, vai trò của cá nhân phải biết cống hiến, hi sinh để tạo nên dáng hình cho đất nước. Nhà thơ sử dụng hệ thống câu hỏi tu từ với mật độ khá cao trong hai khổ thơ đầu cùng sự biện luận sắc sảo, thông minh cho thấy mối quan hệ giữa cá nhân với cuộc đời, giữa nhà văn với hiện thực, giữa nghệ thuật với cuộc sống.

Trong cuộc biện luận ấy việc đến với Tây Bắc đến với mảnh đất xa xôi là việc làm cần thiết xuất phát từ trách nhiệm của một công dân và trách nhiệm của một người nghệ sĩ. Chính khổ thơ giữa tiếp tục là những tình cảm thành kính của nhà thơ đối với kháng chiến. Trong đó, ông sử dụng rất nhiều hình ảnh biểu tượng, nghệ thuật so sánh để bộc lộ lòng yêu nước. Lời thơ ấm áp, tin yêu và đầy chân thành diễn tả rất đúng những cảm xúc của Chế lan Viên.

Và với ông, hạnh phúc viên mãn nhất đó chính là trở về với nhân dân, trở về với những gì gần gũi, thiêng liêng nhất của cuộc đời mình, tìm được sự sống của tâm hồn, niềm vui và giá trị của đời mình. Hình ảnh nhân dân trong tình cảm của Chế Lan Viên đó là “anh du kích” với chiếc áo nâu là hình ảnh rất thật tái hiện lại cuộc sống khó khăn gian khổ của dân tộc trong những năm tháng kháng chiến.

Nhưng người anh đó vẫn nắm giữ tay súng, vẫn oai hùng làm nhiệm vụ chiến tranh cách mạng. Hành động trao áo còn lớn hơn cả giá trị vật chất lớn hơn cả tinh thần đồng cam cộng khổ. Hai câu thơ: “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn” là câu thơ cô đọng như một châm ngôn chứa đựng phát hiện sâu sắc về quy luật tình cảm của con người. Khi ta ở, có thể đất chỉ là khái niệm địa lý nhưng khi ta đi đất bỗng trở thành máu thịt, trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người.

Câu thơ triết lí nhưng lại không khô khan và cứng nhắc. Tất cả đều được nhà thơ kết đọng lại từ chính tiếng lòng của mình. Bên cạnh đó, nhà thơ còn thể hiện tình quân dân trong mạch cảm xúc hướng tới tình yêu và sự màu nhiệm của nó. Đặc biệt nhà thơ nhấn vào tình cảm cách mạng thiêng liêng.

Bỏ lại quê hương để đi theo tiếng gọi của đất nước. Bốn khổ thơ cuối của bài thơ đó chính là tiếng lòng hân hoan, náo nức, sôi nổi của Chế Lan Viên. Nhà thơ dường như có một cuộc lột xác từ một cái tôi còn chần chừ, do dự trở thành cái tôi tự nguyện, 1 cái tôi náo nức, say mê muốn tìm đến Tây Bắc.

Bài thơ là sự thể hiện tiếng lòng sôi nổi, say mê, hân hoan của nhà thơ cùng khát vọng lên Tây Bắc, về với mọi miền Tổ Quốc, trở về với nhân dân. Bài thơ cũng cho thấy mối quan hệ độc đáo giữa cá nhân với cuộc đời, giữ nhà văn với hiện thực, giữa nhà thơ với khát vọng lên đường cháy bỏng.

Bài làm văn mẫu 9

Buổi đầu tiên Chế Lan Viên đến với thơ ca bằng một nỗi buồn ghê rợn và kinh dị. Cái hơi hám ấy đi vào tập Điêu Tàn ám ảnh với những bóng ma dật dờ trở về từ cõi âm đầy ám khí.

Cái ám khí ấy hắt lên tâm hồn của một chàng trai trẻ tuổi mà đã sớm bị quan trốn tránh sự đời. Thế rồi sau cách mạng, cuộc kháng chiến thần thánh đã lừa vào thơ anh một hơi thở mới đầy đam mê, rạo rực hướng cho anh đi tới những chân trời tràn khát vọng. Tiếng hát con tàu đã được ra đời trong hoàn cảnh như thế.

Bài thơ là một khúc ca lên đường, là khát vọng muốn thoát ra khỏi cái tôi cá nhân, phá toang cái lồng chật hẹp của cái tôi cá nhân để đến với những miền đất xa xôi, đến với cuộc đời rộng lớn, cũng là đến với nhân dân đất nước, với những mơ ước ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật. Bài thơ được mở đầu bằng một âm hưởng rạo rực, xốn xang, thúc giục, lôi cuốn.

Tây Bắc ư có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu.

Câu hỏi tu từ được cất lên như xoáy sâu vào lòng người, tác giả đã tự hỏi, tự lí giải, tự phân tích rồi tự phủ định. Tây Bắc – cái mảnh đất từng gắn bó máu thịt với nhà thơ trong hơn suốt mười năm đấu tranh gian khổ, mảnh đất ấy giờ đây

đang cần những bàn tay vun xới. Vậy thì có sao tác giả lại không đi cho được? Và anh không chỉ trở về với Tây Bắc “có riêng gì Tây Bắc”.

Tây Bắc là khát vọng mà anh hướng tới, xa hơn không chỉ dừng lại ở vùng Tây Bắc nhỏ bé mà đất nước còn có bao mảnh đất cần đến bàn tay của con người thì tám hồn tác giả còn muốn hướng về, bước chân tác giả còn muốn đi tới những miền đất sỏi đá mà nhiều hứa hẹn. Đó là những miền đất mà Hoàng Trung Thông từng đặt niềm tin mãnh liệt.

Đường xa ta tới đây

Trên đồi cây cát nắng

Giữa hai dòng suối vắng

Đoàn ta vui cấy cà.

(Bài ca vỡ đất)

Với điệp từ khi – khi trong hai câu thơ “Khi lòng ta đã hóa những con tàu, Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát” đã có sự gặp gỡ trùng hợp thật đẹp để giữa khát vọng của cá nhân và yêu cầu của đất nước. Đó là sự gặp gỡ, hòa quyện giữa cái chung và cái riêng. Khi lòng người thôi thúc một khát vọng công hiến thì cũng chính là khi mà Tổ quốc đang cần những bàn tay, những khối óc.

Tây Bắc không chỉ là nơi gọi khát vọng công hiến mà nó còn cuốn hút tâm hồn nhà thơ bởi những ý tưởng nghệ thuật, ở đây tác giả đã dùng biện pháp đồng nhất trong từng cặp đối tượng. “Lòng ta đã hóa những con tàu” và “tâm hồn ta là Tây Bắc” có nghĩa khi tâm hồn nhà thơ hướng tới cuộc sống thì chính cuộc sống lại gọi lên cho nhà thơ biết bao cảm xúc.

Tây Bắc là xứ sở đã ôm ấp, nâng niu bao kỷ niệm trong suốt mười năm kháng chiến nên khi đến với Tây Bắc thì cũng chính là tác giả trở về với lòng mình, trở về với ngọn nguồn của dân tộc. Khi nói “tâm hồn ta là Tây Bắc” thì cũng là lúc tác giả xem mình đã thuộc về Tổ quốc, thuộc về nhân dân. Đó là sự khẳng định thống nhất tuyệt đối giữa cái tôi và cái ta.

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng

Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô tàu đối những vành trăng.

Những câu thơ mang giọng điệu giục giã lên đường đã nói lên bao nỗi niềm tâm trạng của tác giả. Thực ra, hồi bấy giờ làm gì có tàu lên Tây Bắc, thế nhưng con tàu trong tâm tưởng của nhà thơ vẫn lên đường trong một không khí háo hức, sôi động.. Ở đây, tác giả đã dùng biện pháp phân đôi chủ đề trữ tình để tự đối thoại.

Nhà thơ tự mời gọi mình “anh đi chẳng”, nhưng thực ra câu hỏi ấy không chỉ dành riêng cho tác giả mà còn là câu hỏi cho muôn lớp thanh niên đang sống trên mảnh đất Hà Nội, và xa hơn là trên khắp đất nước Việt Nam. Điều thơ chuyển từ mời gọi sang giục giã hối thúc.

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô tàu dõi những vành trăng.

Cái tôi trữ tình cứ bần khoản trần trở giữa hai không gian Hà Nội và Tây Bắc, giữa hai lối sống hưởng thụ và cống hiến. Câu thơ tạo nên hai hình ảnh đối lập: “đất nước mệnh mông / đời anh nhỏ hẹp”. Giờ đây, anh sẽ sống cho đất nước hay cho riêng cá nhân mình? Nhưng rồi nhà thơ đã khẳng định cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi anh lên Tây Bắc, còn nếu như anh chỉ khư khư giữ lấy bầu trời Hà Nội, ích kỉ sống cho cái tôi cá nhân riêng lẻ thì tâm hồn anh sẽ cần cỗi đi, cuộc sống của anh chẳng còn gì là thi vị nữa.

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Tổ quốc đang vẫy gọi thế mà nếu anh không ra đi làm sao anh có thể tìm thấy những cảm hứng nghệ thuật mới lạ, làm sao anh thấy cuộc đời còn nhiều nghĩa lí? Thực ra cuộc hành trình trở về của Chế Lan Viên không phải không có những suy nghĩ, những day dứt, nhưng đó là sự trở về với nhân dân, với đất nước, với kỷ niệm dấu yêu và cũng chính là sự trở về với lòng mình nên anh đã không ngần ngại dang tay đón lấy những “vàng trắng”. Đón lấy vàng trắng như một cuộc hành trình đi tìm chất thơ, đi tìm những cảm hứng mới cho nghệ thuật.

Trên Tây Bắc ôi mười năm Tây Bắc

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi rỏ máu tâm hồn ta thấm đất

Nay rạt rào đã thấm trái đầu xuân.

Khổ thơ chở đầy kỷ niệm của mười năm kháng chiến gian lao. Mảnh đất ấy từng ghi bao chiến công vang dội, cũng chính là nơi thấm máu của bao người anh hùng đã ngã xuống cho những mùa xuân ngàn sau đẹp mãi, cho cuộc sống đơm hoa kết trái.

Trong nỗi nhớ thiết tha về Tây Bắc thiêng liêng có cảm xúc tự hào, có cả phút giây trầm lắng khi nghĩ tới những người đã khuất, song tình cảm đọng lại vẫn là một niềm dạt dào phơi phới trước mùa xuân hoa lá xôn xao. Và khi được trở về với mảnh đất thiêng liêng anh hùng của Tây Bắc, tác giả đã không nén nổi lòng. mình nên bật thành tiếng reo trào dâng xúc động.

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa

Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Bằng những nỗi niềm hiện tại, bốn câu thơ như một tiếng hát vọng về từ quá khứ. Về với nhân dân là về với những gì thân thuộc nhất, gần gũi nhất. Tác giả trở về sông giữa lòng nhân dân mang theo cả một biển trời thương nhớ, một biển trời đầy ắp kỷ niệm. Chính nhân dân đã đem lại cho nhà thơ sự sống. Tâm hồn anh đã được nuôi dưỡng bằng nguồn sữa ngọt ngào của nhân dân.

Những dòng thơ hồi hải dạt dào tuôn chảy như để diễn tả niềm vui sướng tốt cùng của tác giả khi anh được trở về giữa vòng tay yêu thương trìu mến của nhân dân. Niềm hạnh phúc ấy được Chế Lan Viên thể hiện bằng những hình ảnh so sánh có sức gợi lớn: “nai về suối cũ”, “cỏ đón giêng hai”, “chim én gặp mùa”, “trẻ thơ gặp sữa”, “nôi ngừng gặp tay đưa”...

Tất cả đã thể hiện được lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với công lao to lớn của nhân dân. Chính nhân dân đã dìu dắt anh, bế anh qua cơn mộng tưởng, bi lụy của Điều tàn để đến với một cuộc sống đầy “ánh sáng và phù sa”, đầy niềm tin yêu và nhiều ý nghĩa.

Gặp lại mảnh đất thân yêu ngày nào, tác giả như sống lại giữa bao kỷ niệm của một thời kháng chiến gian khổ mà thấm thiết nghĩa tình quân dân. Cách xưng hô của anh thấm đượm một tình cảm thiết tha, anh xem mình như một người con của Tây Bắc, người con của Tổ Quốc.

Con nhớ anh con người anh du kích...

Con nhớ em con thằng em liên lạc...

Con nhớ mẹ lửa hồng soi tóc hạc.

Nhân dân hiện lên bằng những con người cụ thể, hành động cụ thể. Đó là anh, là em, là mẹ – là những người từng gắn bó máu thịt với tác giả trong mười năm trường kháng chiến, những người đại diện cho nhân dân với tình cảm gia đình ấm áp. “Con nhớ anh con”, “Con nhớ em con”, “Con nhớ mẹ”, cấu trúc thơ được lặp đi lặp lại trong một điệu thơ da diết? nỗi nhớ ấy cứ hằn sâu trong lòng tác giả như nhắc nhở, như nhắc nhủ về một miền quá khứ đầy tình nghĩa.

Cuộc kháng chiến đầy gian khổ, họ đã phải nhường nhau từng miếng cơm, manh áo. Tấm áo vá rách được gửi lại cho tác giả không chỉ mang hơi ấm của người anh du kích mà trong đó còn gửi lại cả bao nhiêu niềm tin yêu và lí tưởng của người đi trước dành cho người đi sau. Cứ như vậy, thế hệ này cho đến thế hệ khác đã đứng lên bảo vệ mảnh đất Tây Bắc thân yêu trong sự yêu thương che chở, đùm bọc, trong ý chí quyết tâm, trong sự thông minh, gan dạ, dũng cảm.

Nhưng có lẽ xúc động nhất là tình cảm mà nhà thơ đã dành cho người mẹ. Con nhớ mẹ lửa hồng soi tóc bạc Năm con đau mẹ thức một mùa dài Con với mẹ không phải hôn máu cắt Nhưng suốt đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Những câu thơ chan chứa lòng biết ơn sâu nặng, sự gắn bó chân thành thâm thía của một tấm lòng, một trái tim biết nghĩ và biết sống. Tác giả nhớ về người mẹ nuôi năm xưa với tất cả nỗi niềm kính phục. Đó là người đã ủ ấm, chở che, đã làm dịu những vết đau trên thịt da và trong tâm hồn tác giả. Đối với nhà thơ mỗi lần nghĩ về mẹ là nghĩ về một chỗ dựa vững vàng tin cậy.

Nỗi nhớ của tác giả đi từ những con người, những gương mặt cụ thể chuyển sang những hoài niệm khái quát về nhân dân. Nhớ bản sương giăng nhớ đèo mây phủ. Với điệp từ nhớ được dùng trong một câu thơ đã diễn tả được cái nhớ dồn dập, ào ạt. Tác giả không biết nén sắp xếp thế nào cho vừa, cho đủ nên đã hạ một câu thơ đầy suy ngẫm: “nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương”.

Tình yêu đối với mảnh đất này, đối với người dân ở đây như một lẽ tất yếu, đất ấm nồng, người tình nghĩa thì có cứ gì mà tác giả lại quên. Nhớ “sương giăng”, nhớ “mây phủ” là nhớ tất cả khung cảnh và con người của Tây Bắc. Nỗi nhớ ấy được nâng lên thành một lẽ sống.

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn.

Hai câu thơ mang màu sắc triết lí, triết lí mà không khô khan, triết lí mà vẫn đầy cảm xúc, vẫn giàu sức lay động lòng người. “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở” –

con người quả thật rất dễ thờ ơ, vô tâm với những gì mình vốn có, đặc biệt là với đất, một hình ảnh vô tri vô giác, nhưng khi ta đi rồi, ta không còn nắm bắt được nó thì lại cảm thấy thiêng liêng nuôi tiếc, vì nó dường như là một phần tâm hồn ta, một phần máu thịt ta.

“Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn” – thực ra thì đất và người đã có sự gắn bó thân thiết từ lâu lắm rồi mà người chưa cảm nhận được hết, nay người đi xa người mới nhận ra là đất cũng có tâm hồn. Tâm hồn của đất hay nói đúng hơn là tâm hồn của người gửi lại cho đất.

Câu thơ viết về đất mà thực ra là để nói lòng người, nói sự thủy chung và đạo lý làm người. Mỗi bản làng, mỗi con đường mà tác giả đã đi qua, đã từng gắn bó giờ đây đều được gọi dậy trong nỗi nhớ, nhưng cái nhớ đắm đuối nhất, cái nhớ nhiều đam mê nhất vẫn là cái nhớ dành cho “em”.

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.
Nỗi nhớ em được gọi về từ nỗi nhớ nhân dân, đất nước. Cái riêng hòa trong cái chung. Cái chung được đặt lên trên hết nhưng không vì thế mà thờ ơ nhạt nhẽo với cái riêng. Ngược lại, cái chung đã làm cho cái riêng thêm thiêng liêng, ý nghĩa. Tình yêu trong thơ Chế Lan Viên dung dị, chân chất nhưng không kém phần tha thiết. Tác giả thường hay nghĩ đến người yêu giữa mùa đông giá rét.

Cái rét đầu mùa anh rét xa em

Đêm dài lạnh chần chia làm hai nửa

Một đắp cho em ở vùng sóng bể

Một đắp cho mình ở phía không em.

(Rét đầu mùa nhớ người đi phía bể)

Dường như trong giá lạnh, người ta thường xích lại gần nhau hơn, người ta cần đến nhau hơn. “Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”, đây không phải là nỗi nhớ chợt đến vì thực ra trong lòng anh lúc nào cũng có hình bóng của em, và giờ đây được sống giữa nhân dân ấm áp tình người, anh bỗng nhớ đến em bằng một “nỗi nhớ chưa bao giờ nhớ thế”. Chưa lúc nào anh lại nhớ em da diết như thế này.

Anh với em là một, “đông” không thể thiếu rét và “anh” không thể thiếu “em”. Tình yêu giữa anh và em giản dị, thanh cao nhưng cũng sức nức hương thơm và lẫm sặc màu thú vị qua những hình ảnh so sánh độc đáo, kì lạ. Tình yêu thấm vào cái lạnh của mùa đông, cái rạo rức của mùa hè, cái mơ màng của mùa

thu, cái tràn trề của mùa xuân. Và giờ đây, nỗi nhớ quê hương, đất nước lại được gọi về từ nỗi nhớ em.

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương. Câu thơ như một chân lí về tình yêu. Tình yêu ở đây không chỉ đơn thuần là của anh dành cho em nữa. Không phải chỉ vì tình yêu của em mà anh mới gắn bó với mảnh đất này mà còn cả tình cảm của bao người, của quê hương làng bản, của nhân dân. Tất cả những tình cảm ấy, nghĩa tình ấy đã làm cho miền đất Tây Bắc anh hùng trở thành quê hương thiêng liêng trong lòng tác giả. Những kỷ niệm êm đềm vẫn tiếp tục chảy về trong miền kí ức của nhà thơ.

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch

Bắp xôi nuôi quân em giấu giữa rừng

Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch

Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương.

“Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch” là một hình ảnh đẹp, nhiều hứa hẹn, là sự trọn vẹn giữa tình riêng và nghĩa chung. Để đưa được “vắt xôi” ra trận tuyến đã phải trải qua bao nhọc nhằn gian khổ. Những gian khổ ấy, công lao ấy không thể ghi hết được. Song cho đến bây giờ, tác giả vẫn như còn ngửi thấy hương khói thơm nồng của bữa xôi đầu tiên. Bao nhiêu kỷ niệm chồng chất cứ lần lượt xô đẩy nhau về thôi thúc, réo rắt tâm hồn tác giả thành một câu hỏi lớn.

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi

Tình em đang mong tình mẹ đang chờ

Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga.

Thực ra thì đất nước đang cần mà lòng ta, bước chân ta cũng muôn đi, cũng muôn trở về mảnh đất thân yêu xưa vì ở đây còn có bao người đang đợi mong tác giả. “Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ” vậy thì còn chần chừ gì nữa mà không lên đường. Tiếng gọi ấy vọng về từ trái tim, thôi thúc cả hồn thơ tác giả vì đó thực sự là cuộc trở về với ngọn nguồn của cảm hứng sáng tạo.

Nhà thơ muốn đến thật nhanh, không phải muốn đến nữa mà muốn bay về ngay với miền đất Tây Bắc để được ngắm nhìn những ngôi nhà, những khuôn mặt, những tiếng nói, những mùa bội thu.

Mắt ta thềm mái ngói đỏ trăm ga

Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào

Rẽ người mà đi vịn tay mà đến

Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao

Nhựa nóng cần lao nhân dân máu đỏ

Tây Bắc ơi người là mẹ của hồn thơ.

Hình ảnh của nhân dân, đất nước náo nức đi về trong tất cả giác quan của tác giả. Đâu đâu trong tâm trí của nhà thơ cũng vang lên âm thanh của cuộc sống, của vùng đất Tây Bắc. Cuộc sống ấy, vùng đất ấy gợi hứng cho thơ ca, gợi hứng cho nghệ thuật.

Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa

Nay trở về ta lấy lại vàng ta

Lấy cả những cơn mơ ai bảo con tàu không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng

Lòng ta cũng như tàu ta cũng uống

Mặt hồng em trong tuổi lớn mùa xuân.

Vùng Tây Bắc đã có biết bao tiềm năng quý giá nhưng những năm tháng chiến tranh kéo dài đã vùi lấp mất những tiềm năng ấy, nay là lúc phải trở về để khôi phục, để đánh thức nó sau một giấc ngủ dài ngày. Đánh thức những tiềm năng cũng chính là thức dậy cái tương lai đẹp đẽ của đất nước, của núi rừng Tây Bắc. Đánh thức nó bằng khát vọng lên đường, khát vọng đi xa.

Ra đi để lấy lại giá trị vốn có bao đời của mảnh đất, lấy lại những cơn mơ, những điều mộng tưởng và thay vào đó là những hành động thiết thực, cải hóa một miền đất đã bị đạn bom tàn phá. Mặt đất ấy giờ đây khô cằn sỏi đá nhưng dường như vẫn hiểu được sự gian khổ, cần lao của lòng người.

Tàu uống trăng để có nhiều khát vọng, tác giả uống trăng để thêm nhiều thi hứng. Và bài thơ đã được kết thúc giữa một hình ảnh rạng ngời sức sống, rạng ngời niềm hi vọng. “Mặt hồng em trong tuổi lớn mùa xuân” là hình ảnh có sức

gợi lớn, sức gọi trong lòng người, sức gọi giữa đất trời về một đất nước trong tương lai, một Tây Bắc trong tương lai tràn ngập sức xuân, tình xuân.

Những câu thơ kết bài được viết dính kết, móc xích vào nhau thể hiện mạch cảm xúc tuôn trào của tác giả. Lắng lại sau muôn vàn nỗi nhớ là niềm tin về một ngày mai tươi sáng đẹp đẽ. Niềm tin ấy được khẳng định ở ý chí, nghị lực và quyết tâm xây dựng những vùng đất mới. Khát vọng lên đường của Chế Lan Viên cũng chính là khát vọng về sự sống mà Hoàng Trung Thông đã từng quả quyết trong bài Bài ca vỡ đất

Bàn tay lao động

Ta gieo sự sống

Trên tầng đất khô.

Bài văn mẫu 10

Ở miền Bắc vào những năm 1958 - 1960 có phong trào vận động nhân dân miền xuôi - chủ yếu là thanh niên lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc. Chính sự kiện kinh tế - xã hội này đã gợi cảm hứng giúp Chế Lan Viên sáng tác bài Tiếng hát con tàu.

Ở miền Bắc vào những năm 1958 - 1960 có phong trào vận động nhân dân miền xuôi - chủ yếu là thanh niên lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc. Chính sự kiện kinh tế - xã hội này đã gợi cảm hứng giúp Chế Lan Viên sáng tác bài Tiếng hát con tàu.

Nhưng không chỉ dừng lại ở đó, bài thơ là khúc hát thể hiện khát vọng trở về với nhân dân, hoà nhập vào cuộc sống lớn của đất nước, của tình nghĩa nhân dân vĩ đại. Đó cũng là tìm về với ngọn nguồn của hồn thơ. Tiếng hát con tàu với hai khổ thơ mở đầu: Là sự trăn trở, lời giục giã mời gọi lên đường.

Tiếp đó, chín khổ thơ giữa là hồi tưởng về những kỉ niệm với nhân dân trong kháng chiến, thể hiện khát vọng về với nhân dân. Sau cùng, bốn khổ thơ cuối là khúc hát lên đường say mê náo nức. Để hiểu được bài thơ này trước hết cần hiểu hai hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong suốt bài thơ. Đó là hình ảnh "con tàu" và hình ảnh "Tây Bắc".

Thực tế thì chưa hề có đường tàu và con tàu lên Tây Bắc. Con tàu ở bài thơ là biểu tượng cho khát vọng lên đường với cuộc sống bao la, nhân dân vĩ đại, đến với ước mơ cao đẹp, ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật. Vì vậy mà có những câu thơ: Khi lòng ta đã hoá những con tàu, Tàu đói những vầng trăng,

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi, Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép, Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia...

Còn hình ảnh "Tây Bắc" không chỉ là Tây Bắc mà đó còn là Tổ quốc bao la, nơi có cuộc sống gian lao vất vả mà thấm đượm nghĩa tình với muôn vàn kỉ niệm không thể nào quên. Lên Tây Bắc cũng có nghĩa là trở về với chính lòng mình, tâm hồn mình với những tình cảm trong sáng, tình nghĩa sâu nặng đối với nhân dân và đất nước! Vì vậy mà có những câu thơ:

Khi tổ quốc bốn bề lên tiếng hát,
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu?
Trên Tây Bắc! ôi mười năm Tây Bắc,
Xứ thiêng liêng, rừng núi đã anh hùng.
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất,
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ...

Hiểu được ý nghĩa hai hình ảnh biểu tượng cơ bản trên chúng ta sẽ hiểu được ngay tên của bài thơ và các câu thơ đề từ, thấy được tính khái quát rộng hơn, vượt lên các sự vật cụ thể của bốn câu thơ ấy. Ngay sau lời đề từ đã là lời giục giã mời gọi lên đường với những câu hỏi dồn dập lay gọi, hối thúc, khích lệ sự ra đi. Giọng hối hả, hăm hở bộc lộ ở những lời tự chất vấn đầy trăn trở của chính nhà thơ:

- Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chẳng?
- Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
- Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?...

Ở đây có sự phân thân của chủ thể trữ tình. Anh là người khác mà cũng là chính mình. Nhà thơ tự vấn mà nghe như đang thuyết phục ai. Chính điều này cộng với nhiều phép đối lập (bạn bè đi xa / anh giữ trời Hà Nội, Đất nước mệnh mông/ đời anh nhỏ hẹp, thơ/ lòng đóng khép...) đã thể hiện sinh động ý tưởng tác giả, cuộc sống mới đang mời gọi, thôi thúc người nghệ sĩ vượt ra khỏi cuộc đời nhỏ hẹp quanh.

Tiếp đó là hồi tưởng những kỉ niệm với nhân dân trong kháng chiến. Phần này, nhà thơ gọi lên được những kỉ niệm thiêng liêng, đẹp đẽ trong những tháng

ngày kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp của mảnh đất Tây Bắc anh hùng.

Nói về cuộc kháng chiến chống Pháp, lời thơ Chế Lan Viên chứa chan một ân tình sâu nặng. Thời kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa, Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường". Điều này dễ hiểu. Bởi vì đối với nhà thơ và các văn nghệ sĩ tiền chiến sau 1945 đi cùng cách mạng thì cuộc kháng chiến chống Pháp có một ý nghĩa đặc biệt là đã đánh dấu sự chuyển biến của cả cuộc đời lẫn con đường nghệ thuật của họ hoà nhập vào sự nghiệp của nhân dân và cách mạng.

Lên Tây Bắc là về lại với những kỉ niệm thiết tha máu thịt trong lòng mình, đánh thức dậy không chỉ những hồi tưởng quá khứ mà cả khát vọng trong hiện tại với bao cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Lên với Tây Bắc là trở về và hoà nhập với cuộc sống bao la của đất nước, của tình nghĩa nhân dân vĩ đại. Nhằm thể hiện ý nghĩa sâu sắc, niềm hạnh phúc lớn lao của cuộc trở về đó, nhà thơ dùng đến năm hình ảnh so sánh tiếp liền nhau:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cò đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

Các hình ảnh so sánh trên, hình ảnh nào cũng đơn sơ, gần gũi và gợi cảm biết bao. Trong hồi tưởng của Chế Lan Viên, nhân dân đã thể hiện mối quan hệ ruột thịt thân thiết, những người mà nhà thơ gọi là anh, là em, là mẹ (mẹ). Đó là hình ảnh cụ thể của những con người: người anh du kích, đứa em nhỏ liên lạc, bà mẹ già, cô em gái... Họ đều một lòng một dạ, chiến đấu hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp vừa qua.

Nhà thơ đã khắc họa hình ảnh những con người này gắn liền với những đóng góp thầm lặng, lớn lao, với tình thương và sự chở che, đùm bọc trọn vẹn và rộng lớn. Từ hình ảnh người anh du kích với chiếc áo nâu vá rách cời lại cho con đến hình ảnh thằng em liên lạc xông xáo rừng thưa băng, rừng rậm chò, từ bản Na qua bản Bắc mười năm ròng rã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Cảm động biết mấy là cảnh bà mẹ già đêm đêm cời bếp lửa hồng ân cần chăm sóc đứa con chiến sĩ suốt một mùa dài!.

Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc Năm con đau, mẹ thức một mùa dài Con với mẹ không phải hòn máu cắt Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi. Đang là hình

ảnh xây dựng theo lối tả thực cụ thể nhưng đặc biệt điển hình là cô em gái nuôi quân, Chế Lan Viên bỗng có những liên tưởng bất ngờ về vẻ đẹp:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Nỗi hoài tưởng Tây Bắc với những kỉ niệm đượm thắm nghĩa tình vừa nói ,nhà thơ dẫn tới những suy ngẫm sâu sắc có tính khái quát cao:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Đến đây âm hưởng bài thơ càng trở nên sôi nổi và lôi cuốn. Tiếng thôi thúc của Tây Bắc, của đất nước, của nhân dân và của đời sống cũng la tiếng của lòng người, lòng nhà thơ tha thiết mời gọi: Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi? Lên với Tây Bắc đã là niềm khát khao cháy bỏng. Mau hãy lên đường để đến với những tình cảm ruột rà thân thiết "Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ". Lên với Tây Bắc để thấy sự xây dựng mới "Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội, Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga" và để tìm lấy nguồn cảm hứng đầy mộng tưởng nên thơ:

Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa

Nay ta về, ta lấy lại vàng ta

Lấy cả những cơn mơ?

Ai bao con tau không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng

Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống

Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.

Một đặc điểm nổi bật của thơ Chế Lan Viên thể hiện ngay trong bài Tiếng Hát con tàu đã là sự kết hợp một xúc cách hài hòa giữa chất trí tuệ và chữ tình, giữa



cảm xúc suy tưởng chân thành và trí tuệ sâu sắc sự trải nghiệm và những khái quát cao.

Nhờ vào thủ pháp sử dụng những câu nghi vấn có hơi hướng thúc dục, nhắc nhở và những câu khẳng định, có dấu chấm than nhằm diễn đạt ý tưởng cảm xúc, những hình ảnh chọn lọc, những suy tư khái quát đặc sắc, những cảm xúc chân thành tha thiết. bài thơ Tiếng hát con tàu trở thành bài thơ tiêu biểu của Chế Lan Viên.

Mời các bạn cùng tham khảo <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-12>

